

Số: 2261/QĐ-ĐHLHN

Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành Chương trình đào tạo chất lượng cao
trình độ đại học ngành Luật của Trường Đại học Luật Hà Nội

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

Căn cứ Quyết định số 405/CP ngày 10 tháng 11 năm 1979 của Hội đồng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Pháp lý Hà Nội (nay là Trường Đại học Luật Hà Nội);

Căn cứ Quyết định số 868/QĐ-BTP ngày 07 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Luật Hà Nội;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 4 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 9 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

Căn cứ Thông tư 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin;

Căn cứ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Đảm bảo chất lượng đào tạo và Khảo thí.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Chương trình đào tạo chất lượng cao trình độ đại học ngành Luật của Trường Đại học Luật Hà Nội áp dụng cho các khoá tuyển sinh từ năm học 2021-2022.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 2373/QĐ-ĐHLHN ngày 29 tháng 9 năm 2014 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội.

Điều 3. Trưởng Phòng Đảm bảo chất lượng đào tạo và Khảo thí, Trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (để thực hiện);
- HĐ Trường (để b/c);
- Đảng uỷ (để b/c);
- Bộ Tư pháp (để b/c);
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (để b/c);
- Các Phó Hiệu trưởng (để chỉ đạo t/h);
- Lưu: VT, ĐBCLĐT&KT.

HIỆU TRƯỞNG



Đoàn Trung Kiên

BỘ TƯ PHÁP
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHẤT LƯỢNG CAO
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH LUẬT

Mã ngành đào tạo: 7380101

HÀ NỘI - 2021

1. THÔNG TIN CHUNG

- Tên cơ sở giáo dục: Trường Đại học Luật Hà Nội
- Tên gọi của văn bằng: Cử nhân ngành Luật – Chương trình đào tạo chất lượng cao
- Tên tiếng Anh: Laws – High quality training program
- Tên Chương trình đào tạo: Chương trình đào tạo chất lượng cao trình độ đại học ngành Luật
- Mã ngành đào tạo của CTĐT: 7380101
- Thời gian đào tạo: 04 năm
- Phương thức tổ chức đào tạo: Tín chỉ
- Hình thức tổ chức đào tạo: Trực tiếp kết hợp trực tuyến
- Thời điểm thiết kế hoặc điều chỉnh CTĐT: Tháng 6/2021

2. SỨ MẠNG, TÂM NHÌN, GIÁ TRỊ CỐT LÕI VÀ TRIẾT LÝ GIÁO DỤC

2.1. Sứ mạng của Trường Đại học Luật Hà Nội

Trường Đại học Luật Hà Nội có sứ mạng đào tạo nguồn nhân lực pháp luật chất lượng cao; nghiên cứu, chuyên gia các sản phẩm khoa học pháp lý có chất lượng cao và truyền bá tư tưởng pháp lý phục vụ sự nghiệp xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

2.2. Tâm nhìn đến năm 2030 của Trường Đại học Luật Hà Nội

Trường Đại học Luật Hà Nội trở thành cơ sở giáo dục đại học định hướng nghiên cứu; trường trọng điểm về đào tạo pháp luật, trung tâm nghiên cứu và truyền bá tư tưởng pháp lý hàng đầu của Việt Nam, có vị thế trong khu vực Đông Nam Á và trên thế giới.

2.3. Giá trị cốt lõi

Con người - Chất lượng - Thương hiệu - Hội nhập

2.4. Triết lý giáo dục

Tạo nên những con người ham học hỏi, biết làm việc, sẵn sàng bảo vệ công lý, phục vụ nhân dân và phụng sự Tổ quốc.

3. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

3.1. Mục tiêu chung

Mục tiêu của Chương trình đào tạo chất lượng cao ngành Luật (sau đây viết tắt là CTĐT CLC) nhằm đào tạo nguồn nhân lực pháp luật có chất lượng cao cho các cơ quan nhà nước và xã hội, góp phần thực hiện thành công chiến lược cải cách tư pháp, xây dựng Nhà nước pháp quyền và hội nhập quốc tế.

3.2. Mục tiêu cụ thể

Chương trình đào tạo chất lượng cao ngành Luật của Trường Đại học Luật Hà Nội trang bị cho người học các kiến thức, kỹ năng, phẩm chất và năng lực sau đây:

- **G1:** Nắm được kiến thức cơ bản của một số ngành khoa học về chính trị, kinh tế, văn hoá, lịch sử, quản lý và kiến thức lý luận chuyên sâu, kiến thức thực tế vững chắc về các ngành luật trong hệ thống pháp luật quốc gia và quốc tế.

- **G2:** Sử dụng được thành thạo tin học ở mức độ nâng cao theo tiêu chuẩn quốc tế MOS (Microsoft Office Standard) và tiếng Anh giao tiếp, tiếng Anh pháp lý chuyên ngành để phục vụ cho các hoạt động nghiên cứu, học tập và công việc chuyên môn với đối tác nước ngoài trong lĩnh vực pháp luật.

- **G3:** Đạt được kỹ năng phân biện, phân tích, tổng hợp, kỹ năng thực hành nghề nghiệp và các kỹ năng khác để thích ứng với môi trường làm việc trong nước, quốc tế và giải quyết các vấn đề tương đối phức tạp thuộc lĩnh vực khoa học pháp lý diễn ra trong thực tiễn cuộc sống và công việc một cách kịp thời, đúng pháp luật.

- **G4:** Trung thực, thẳng thắn, cầu thị, trung thành với Tổ quốc, bảo vệ công lý, sẵn sàng cống hiến trí lực phục vụ đất nước, tự tin và hào hứng tiếp nhận kiến thức mới.

3.3. Ma trận tương thích của Mục tiêu đào tạo với Sứ mạng, Tầm nhìn, Giá trị cốt lõi và Triết lý giáo dục của Trường

Mục tiêu CTĐT	Sứ mạng	Tầm nhìn	Giá trị cốt lõi	Triết lý giáo dục
4 mục tiêu cụ thể của CTĐT	Trường Đại học Luật Hà Nội có sứ mạng đào tạo nguồn nhân lực pháp luật chất lượng cao; nghiên cứu, chuyển giao các sản phẩm khoa học pháp lý có chất lượng cao và truyền bá tư tưởng pháp lý phục vụ sự nghiệp xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.	Trường Đại học Luật Hà Nội trở thành cơ sở giáo dục đại học định hướng nghiên cứu; trường trọng điểm về đào tạo pháp luật, trung tâm nghiên cứu và truyền bá tư tưởng pháp lý hàng đầu của Việt Nam, có vị thế trong khu vực Đông Nam Á và trên thế giới.	Con người - Chất lượng - Thương hiệu - Hội nhập.	Tạo nên những con người ham học hỏi, biết làm việc, sẵn sàng bảo vệ công lý, phục vụ nhân dân và phụng sự Tổ quốc.
Mục tiêu G1: Nắm được kiến thức cơ bản của một số ngành khoa học về chính trị, kinh tế, văn hoá, lịch sử, quản lý và nắm	Sứ mạng đào tạo nguồn nhân lực pháp luật chất lượng cao ; nghiên cứu, chuyển giao các sản phẩm khoa học pháp lý có chất lượng cao và truyền	Trở thành cơ sở giáo dục đại học định hướng nghiên cứu; trường trọng điểm về đào tạo pháp luật , trung tâm nghiên cứu và truyền bá tư tưởng	Con người - Chất lượng - Thương hiệu - Hội nhập.	Tạo nên những con người ham học hỏi , biết làm việc, sẵn sàng

<p>được kiến thức lý luận chuyên sâu, kiến thức thực tế vững chắc về các ngành luật trong hệ thống pháp luật quốc gia và quốc tế.</p>	<p>bá tư tưởng pháp lý phục vụ sự nghiệp xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.</p>	<p>pháp lý hàng đầu của Việt Nam, có vị thế trong khu vực Đông Nam Á và trên thế giới.</p>		<p>bảo vệ công lý, phục vụ nhân dân và phụng sự Tổ quốc.</p>
<p>Mục tiêu G2: Sử dụng được thành thạo tin học ở mức độ nâng cao theo tiêu chuẩn quốc tế MOS (Microsoft Office Standard) và tiếng Anh giao tiếp, tiếng Anh pháp lý chuyên ngành để phục vụ cho các hoạt động nghiên cứu, học tập và công việc chuyên môn với đối tác nước ngoài trong lĩnh vực pháp luật.</p>	<p>Sứ mạng đào tạo nguồn nhân lực pháp luật chất lượng cao; nghiên cứu, chuyển giao các sản phẩm khoa học pháp lý có chất lượng cao và truyền bá tư tưởng pháp lý phục vụ sự nghiệp xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.</p>	<p>Trở thành cơ sở giáo dục đại học định hướng nghiên cứu; trường trọng điểm về đào tạo pháp luật, trung tâm nghiên cứu và truyền bá tư tưởng pháp lý hàng đầu của Việt Nam, có vị thế trong khu vực Đông Nam Á và trên thế giới.</p>	<p>Con người - Chất lượng - Thương hiệu - Hội nhập.</p>	<p>Tạo nên những con người ham học hỏi, biết làm việc, sẵn sàng bảo vệ công lý, phục vụ nhân dân và phụng sự Tổ quốc.</p>
<p>Mục tiêu G3: Đạt được kỹ năng phân biện, phân tích, tổng hợp, kỹ năng thực hành nghề nghiệp và các kỹ năng khác để thích ứng với môi trường làm việc trong nước, quốc tế và giải quyết các vấn đề tương đối phức tạp thuộc lĩnh vực khoa học pháp lý xảy ra trong thực</p>	<p>Sứ mạng đào tạo nguồn nhân lực pháp luật chất lượng cao; nghiên cứu, chuyển giao các sản phẩm khoa học pháp lý có chất lượng cao và truyền bá tư tưởng pháp lý phục vụ sự nghiệp xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.</p>	<p>Trở thành cơ sở giáo dục đại học định hướng nghiên cứu; trường trọng điểm về đào tạo pháp luật, trung tâm nghiên cứu và truyền bá tư tưởng pháp lý hàng đầu của Việt Nam, có vị thế trong khu vực Đông Nam Á và trên thế giới.</p>	<p>Con người - Chất lượng - Thương hiệu - Hội nhập.</p>	<p>Tạo nên những con người ham học hỏi, biết làm việc, sẵn sàng bảo vệ công lý, phục vụ nhân dân và phụng sự Tổ quốc.</p>

tiễn cuộc sống và công việc một cách kịp thời, đúng pháp luật.				
<p>Mục tiêu G4:</p> <p>Trung trực, thẳng thắn, cầu thị, trung thành với Tổ quốc, bảo vệ công lý, sẵn sàng cống hiến trí lực phục vụ đất nước, tự tin và hào hứng tiếp nhận kiến thức mới.</p>	<p>Sứ mạng đào tạo nguồn nhân lực pháp luật chất lượng cao; nghiên cứu, chuyển giao các sản phẩm khoa học pháp lý có chất lượng cao và truyền bá tư tưởng pháp lý phục vụ sự nghiệp xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.</p>	<p>Trở thành cơ sở giáo dục đại học định hướng nghiên cứu; trường trọng điểm về đào tạo pháp luật, trung tâm nghiên cứu và truyền bá tư tưởng pháp lý hàng đầu của Việt Nam, có vị thế trong khu vực Đông Nam Á và trên thế giới.</p>	<p>Con người - Chất lượng - Thương hiệu - Hội nhập.</p>	<p>Tạo nên những con người ham học hỏi, biết làm việc, sẵn sàng bảo vệ công lý, phục vụ nhân dân và phụng sự Tổ quốc.</p>

4. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

4.1. Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo

Stt	Mã ma trận	Yêu cầu đạt được
a. Về kiến thức		
1	K1	Kiến thức của một số ngành khoa học về chính trị, kinh tế.
2	K2	Kiến thức của một số ngành khoa học văn hoá, lịch sử.
3	K3	Kiến thức của một số ngành khoa học tâm lý, quản lý.
4	K4	Kiến thức chuyên sâu cả lý luận và thực tiễn về các lĩnh vực Hiến pháp.
5	K5	Kiến thức chuyên sâu cả lý luận và thực tiễn về các lĩnh vực pháp luật dân sự.
6	K6	Kiến thức chuyên sâu cả lý luận và thực tiễn về các lĩnh vực pháp luật kinh tế.
7	K7	Kiến thức chuyên sâu cả lý luận và thực tiễn về các lĩnh vực pháp luật quốc tế.
8	K8	Kiến thức chuyên sâu cả lý luận và thực tiễn về các lĩnh vực thương mại quốc tế.
9	K9	Kiến thức chuyên sâu cả lý luận và thực tiễn về các lĩnh vực pháp luật hành chính.

10	K10	Kiến thức chuyên sâu cả lý luận và thực tiễn về các lĩnh vực pháp luật hình sự.
11	K11	Kiến thức chuyên sâu cả lý luận và thực tiễn về các lĩnh vực pháp luật tố tụng.
12	K12	Kiến thức nghề luật cơ bản và kiến thức thực tiễn pháp lý Việt Nam thông qua các hoạt động trải nghiệm thực tế thường xuyên tại các cơ quan tư pháp và các tổ chức khác.
13	K13	Kiến thức tiếng Anh pháp lý chuyên ngành thông qua việc được học 20% số tín chỉ các học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, ngành và chuyên ngành trong chương trình đào tạo bằng tiếng Anh.
14	K14	Kiến thức tin học ở mức độ nâng cao theo tiêu chuẩn quốc tế MOS (Microsoft Office Standard) phục vụ cho công việc chuyên môn.
15	K15	Sử dụng thành thạo tiếng Anh giao tiếp (tối thiểu đạt bậc 4/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương).
16	K16	Sử dụng được tiếng Anh chuyên ngành pháp lý đủ để nghiên cứu, học tập, làm việc với đối tác nước ngoài trong lĩnh vực pháp luật.

Tổng số yêu cầu về kiến thức mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp: 16

b. Về kỹ năng

17	S17	Kỹ năng tìm kiếm, phân tích và đánh giá một cách chuẩn xác các văn bản pháp luật có liên quan đến công việc của mình.
18	S18	Kỹ năng phân tích các tình huống thực tiễn trong lĩnh vực pháp luật và đưa ra được các giải pháp chuyên môn để giải quyết các tình huống đó.
19	S19	Kỹ năng phát hiện và giải quyết các vấn đề tương đối phức tạp thuộc lĩnh vực khoa học pháp lý.
20	S20	Kỹ năng soạn thảo một cách thành thạo các VB có tính pháp lý phục vụ cho công việc thuộc mọi lĩnh vực liên quan đến công việc được giao.
21	S21	Kỹ năng thương lượng, đàm phán với các đối tác.
22	S22	Kỹ năng tư vấn pháp luật.
23	S23	Kỹ năng tham gia các hoạt động tổ tụng...
24	S24	Kỹ năng nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu cao của người sử dụng lao động.
25	S25	Kỹ năng trình bày và phản biện.
26	S26	Kỹ năng làm việc độc lập.
27	S27	Kỹ năng làm việc nhóm và lãnh đạo nhóm.
28	S28	Kỹ năng giao tiếp và thích ứng với môi trường làm việc trong nước và quốc tế.
29	S29	Kỹ năng văn phòng.
30	S30	Kỹ năng tự thích ứng với sự thay đổi của môi trường xã hội.
31	S31	Kỹ năng ứng phó, xử lý một cách kịp thời, đúng pháp luật đối với các tình huống xảy ra trong thực tiễn cuộc sống và công việc.

<i>Tổng số yêu cầu về kỹ năng mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp: 15</i>		
c. Về năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm		
32	T32	Trung thành với Tổ quốc, tuân thủ pháp luật, chấp hành các chính sách của nhà nước.
33	T33	Trung thực, thẳng thắn, cầu thị, ủng hộ đổi mới, bảo vệ công lý.
34	T34	Tự tin và hào hứng tiếp nhận kiến thức mới, sẵn sàng cống hiến trí lực phục vụ đất nước.
35	T35	Tuân thủ các chuẩn mực đạo đức nghề luật.
36	T36	Tích cực đấu tranh phòng, chống tham nhũng.
<i>Tổng số yêu cầu về thái độ mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp: 05</i>		

d. Vị trí việc làm sau tốt nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp CTĐT CLC của Trường Đại học Luật Hà Nội có thể tự tin đảm nhiệm được các vị trí làm việc trong các môi trường đòi hỏi tính chuyên nghiệp cao thuộc các nhóm công việc: Thực hành pháp luật; tư vấn pháp luật; giảng dạy và nghiên cứu pháp luật. Trong đó:

- *Vị trí việc làm tại các cơ quan xây dựng pháp luật, thực hành pháp luật* gồm tham gia thực hiện hoạt động áp dụng pháp luật để giải quyết các vấn đề pháp lý tại Tòa án, Viện kiểm sát, cơ quan thi hành án và các cơ quan tư pháp khác; thực hiện các công việc mang tính pháp lý theo chức năng tại các cơ quan nhà nước (như Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp, cơ quan chính quyền trung ương và địa phương, các cơ quan quản lý nhà nước khác); các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội.

- *Vị trí việc làm tại các cơ quan, tổ chức tư vấn pháp luật* gồm tư vấn cho khách hàng trong nước và nước ngoài trong các lĩnh vực pháp luật tại các công ty luật, văn phòng luật sư, văn phòng công chứng, trung tâm trọng tài thương mại; tư vấn tại các cơ quan nhà nước, các doanh nghiệp và các tổ chức trong nước và nước ngoài các vấn đề pháp lý.

- *Vị trí việc làm tại các cơ sở đào tạo, viện nghiên cứu* gồm tham gia giảng dạy các môn chuyên ngành luật tại các cơ sở đào tạo; tham gia nghiên cứu khoa học với tư cách là nghiên cứu viên tại các cơ sở đào tạo đại học, các viện nghiên cứu...

- Các vị trí khác liên quan đến pháp luật như phóng viên, biên tập viên cơ quan thông tấn, báo chí liên quan đến lĩnh vực pháp luật; quản trị nhân sự, cán bộ pháp chế trong các cơ quan, doanh nghiệp, nhân viên tổ chức quốc tế ...

e. Khả năng học tập nâng cao trình độ sau tốt nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp CTĐT CLC của Trường Đại học Luật Hà Nội có thể:

- Tham dự khoá đào tạo các chức danh tư pháp (như thẩm phán, công chứng viên, chấp hành viên, luật sư, ...). Học viện Tư pháp ưu tiên công nhận và miễn học một số tín chỉ kỹ năng cho sinh viên do đã được học ở Chương trình đào tạo chất lượng cao này.

- Tham dự khoá đào tạo luật ở trình độ thạc sĩ, tiến sĩ tại Trường Đại học Luật Hà Nội và các cơ sở đào tạo luật trong nước và nước ngoài, nếu đáp ứng các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và cơ sở giáo dục đại học.

- Tham dự khóa đào tạo liên thông với các ngành khác tại các cơ sở đào tạo đại học của Việt Nam và nước ngoài.

- Có khả năng thực tập ngắn hạn tại các cơ quan tài phán quốc tế...

g. Các Chương trình đào tạo, tài liệu, chuẩn mà Trường tham khảo

* CTĐT ngành Luật của Trường Đại học Luật Hà Nội

* CTĐT ngành Luật của Trường Đại học Tổng hợp George Washington, Hoa Kỳ (www.law.gwu.edu)

- Các học phần bắt buộc: Luật Hợp đồng I – II, Tài sản, Trách nhiệm dân sự ngoài hợp đồng, Luật Hình sự, Luật Tố tụng Dân sự I – II, Luật Hiến pháp I: Hệ thống Liên bang, Kỹ năng nghiên cứu và viết về các vấn đề pháp luật (đây là một nội dung của học phần Legal reasoning and writing skills – “Kỹ năng lập luận và viết dành cho nghề luật” trong CTĐT CLC), Kỹ năng biện hộ bằng lời (đây là một nội dung của học phần Presentation skills for lawyer in adversarial context – “Kỹ năng tranh tụng của nghề luật” trong CTĐT CLC), Trách nhiệm và đạo đức nghề luật (là một nội dung của học phần Nghề luật và phương pháp học luật trong CTĐT CLC). Các học phần nêu trên tương tự với các HP đã được đưa vào CTĐT CLC.

- Sau khi học xong các học phần bắt buộc chung này, sinh viên bắt đầu học các học phần theo các chuyên ngành.

* CTĐT ngành luật của Trường Đại học Tổng hợp Quốc gia Singapore (NUS) (www.law.nus.edu.sg)

- Các học phần bắt buộc:

+ Năm thứ nhất: Luật Hình sự, Giới thiệu về Lý luận Pháp luật, Luật Hợp đồng, Trách nhiệm dân sự ngoài hợp đồng, Hệ thống pháp luật Singapore, Kỹ năng phân tích, nghiên cứu và viết về các vấn đề pháp luật I - II (đây là một nội dung của học phần Legal reasoning and writing skills – “Kỹ năng lập luận và viết dành cho nghề luật” trong CTĐT CLC);

+ Năm thứ hai: Các truyền thống pháp luật so sánh (tương tự môn Luật học so sánh trong CTĐT CLC), Kỹ năng biện hộ bằng lời (đây là một nội dung của học phần Presentation skills for lawyer in adversarial context – “Kỹ năng tranh tụng của nghề luật” trong CTĐT CLC), Kỹ năng nghiên cứu án lệ (đã được đề xuất học phần bổ sung vào CTĐT CLC sau rà soát - Cases Studies and Analysis (Kỹ năng nghiên cứu và phân tích án lệ), Tài sản, Luật công bằng và chế định ủy thác trong hệ thống pháp luật Anh - Mỹ, Luật công, Luật Công ty (đây là nội dung của học phần Luật Doanh nghiệp trong CTĐT CLC);

+ Năm thứ ba: Chứng cứ (một nội dung của Luật Tố tụng DS trong CTĐT CLC).

- Ngoài các học phần bắt buộc chung nêu trên, sinh viên phải học các học phần theo các chuyên ngành.

4.2. Ma trận đáp ứng mục tiêu của các chuẩn đầu ra

Chuẩn	Mục tiêu G1	Mục tiêu G2	Mục tiêu G3	Mục tiêu G4
* Kiến thức:				
K1: Kiến thức của một số ngành khoa học về chính trị, kinh tế	X			
K2: Kiến thức của một số ngành khoa học văn hoá, lịch sử	X			
K3: Kiến thức của một số ngành khoa học tâm lý, quản lý	X			
K4: Kiến thức chuyên sâu cả lý luận và thực tiễn về các lĩnh vực Hiến pháp	X			
K5: Kiến thức chuyên sâu cả lý luận và thực tiễn về các lĩnh vực pháp luật dân sự	X			
K6: Kiến thức chuyên sâu cả lý luận và thực tiễn về các lĩnh vực pháp luật kinh tế	X			
K7: Kiến thức chuyên sâu cả lý luận và thực tiễn về các lĩnh vực pháp luật quốc tế	X			
K8: Kiến thức chuyên sâu cả lý luận và thực tiễn về các lĩnh vực thương mại QT	X			
K9: Kiến thức chuyên sâu cả lý luận và thực tiễn về các lĩnh vực pháp luật hành chính	X			
K10: Kiến thức chuyên sâu cả lý luận và thực tiễn về các lĩnh vực pháp luật hình sự	X			
K11: Kiến thức chuyên sâu cả lý luận và thực tiễn về các lĩnh vực pháp luật tố tụng	X			
K12: Kiến thức nghề luật cơ bản và kiến thức thực tiễn pháp lý Việt Nam thông qua các hoạt động trải nghiệm thực tế thường xuyên tại các cơ quan tư pháp và các tổ chức khác	X			
K13: Kiến thức tiếng Anh pháp lý chuyên ngành thông qua việc được học 20% số tín chỉ các học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, ngành và chuyên ngành trong chương trình đào tạo bằng tiếng Anh.		X		
K14: Kiến thức tin học ở mức độ nâng cao theo tiêu chuẩn quốc tế MOS (Microsoft Office Standard) phục vụ cho công việc chuyên môn;		X		

Chuẩn	Mục tiêu G1	Mục tiêu G2	Mục tiêu G3	Mục tiêu G4
K15: Sử dụng thành thạo tiếng Anh giao tiếp (tối thiểu đạt bậc 4/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương);		X		
K16: Sử dụng được tiếng Anh chuyên ngành pháp lý đủ để nghiên cứu, học tập, làm việc với đối tác nước ngoài trong lĩnh vực pháp luật.		X		
* Kỹ năng				
S17: Kỹ năng tìm kiếm, phân tích và đánh giá một cách chuẩn xác các văn bản pháp luật có liên quan đến công việc của mình			X	
S18: Kỹ năng phân tích các tình huống thực tiễn trong lĩnh vực pháp luật và đưa ra được các giải pháp chuyên môn để giải quyết các tình huống đó			X	
S19: Kỹ năng phát hiện và giải quyết các vấn đề tương đối phức tạp thuộc lĩnh vực khoa học pháp lý			X	
S20: Kỹ năng soạn thảo một cách thành thạo các văn bản có tính pháp lý phục vụ cho các công việc thuộc mọi lĩnh vực liên quan đến công việc được giao			X	
S21: Kỹ năng thương lượng, đàm phán với các đối tác			X	
S22: Kỹ năng tư vấn pháp luật			X	
S23: Kỹ năng tham gia các hoạt động tổ tụng			X	
S24: Kỹ năng nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu cao của người sử dụng lao động			X	
S25: Kỹ năng trình bày và phản biện			X	
S26: Kỹ năng làm việc độc lập			X	
S27: Kỹ năng làm việc và lãnh đạo nhóm			X	
S28: Kỹ năng giao tiếp và thích ứng với môi trường làm việc trong nước và quốc tế			X	
S29: Kỹ năng văn phòng			X	
S30: Kỹ năng tự thích ứng với sự thay đổi của môi trường xã hội			X	

Chuẩn	Mục tiêu G1	Mục tiêu G2	Mục tiêu G3	Mục tiêu G4
S31: Kỹ năng ứng phó, xử lý một cách kịp thời, đúng pháp luật đối với các tình huống xảy ra trong thực tiễn cuộc sống và công việc			X	
* Năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm				
T32: Trung thành với Tổ quốc, tuân thủ pháp luật, chấp hành các chính sách của nhà nước;				X
T33: Trung thực, thẳng thắn, cầu thị, ủng hộ đổi mới, bảo vệ công lý				X
T34: Tự tin và hào hứng tiếp nhận kiến thức mới, sẵn sàng cống hiến trí lực phục vụ đất nước				X
T35: Tuân thủ các chuẩn mực đạo đức nghề luật				X
T36: Tích cực đấu tranh phòng, chống tham nhũng				X

5. THÔNG TIN TUYỂN SINH

Hiện nay, CTĐT CLC chỉ tuyển sinh chính quy văn bằng thứ nhất.

5.1. Khối tuyển sinh (Tổ hợp xét tuyển): Xét tuyển thẳng; xét tuyển theo kết quả học học tập bậc THPT: lớp 10, lớp 11 và học kỳ 1 lớp 12; xét tuyển trên cơ sở kết quả kỳ thi tốt nghiệp PTTH theo các tổ hợp A00, A01, C00, D01, D02, D03, D05, D06.

5.2. Đợt tuyển sinh: Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và theo Kế hoạch tuyển sinh của Trường.

5.3. Chỉ tiêu tuyển sinh: Thuộc tổng chỉ tiêu tuyển sinh ngành Luật, được xác định theo Quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo và công khai trong Đề án tuyển sinh hằng năm của Trường.

5.4. Điều kiện tuyển sinh: Theo Thông báo hằng năm về điều kiện trúng tuyển lớp Chất lượng cao ngành Luật của Trường, được công khai trong Đề án tuyển sinh đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Trường. Việc tuyển sinh được thực hiện sau khi thí sinh có kết quả trúng tuyển vào ngành Luật của Trường Đại học Luật Hà Nội.

5.5. Phương thức tuyển sinh: Tuyển sinh các thí sinh đã trúng tuyển vào ngành Luật thông qua việc xét tuyển theo các tiêu chí nhất định được công khai trong Thông báo tuyển sinh hằng năm.

5.6. Thời gian tuyển sinh: Theo thời gian tuyển sinh của Trường và tuyển sinh bổ sung sau khi kết thúc học kỳ thứ nhất hoặc năm thứ nhất.

6. CẤU TRÚC CỦA CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

6.1. Thông tin chung:

Chương trình đào tạo chất lượng cao ngành Luật – Trường Đại học Luật Hà Nội

6.2. Cấu trúc Chương trình dạy học:

a) **Khối kiến thức đại cương:** 31 tín chỉ, chiếm tỷ lệ 24% CTĐT, trong đó:

+ Kiến thức bắt buộc: 27 tín chỉ, chiếm tỷ lệ 20,9% CTĐT

+ Kiến thức tự chọn: 4 tín chỉ, chiếm tỷ lệ 3,1% CTĐT

b) **Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp:** 82 tín chỉ, chiếm tỷ lệ 63,6% CTĐT, trong đó:

+ Kiến thức bắt buộc: 65 tín chỉ, chiếm tỷ lệ 50,4% CTĐT

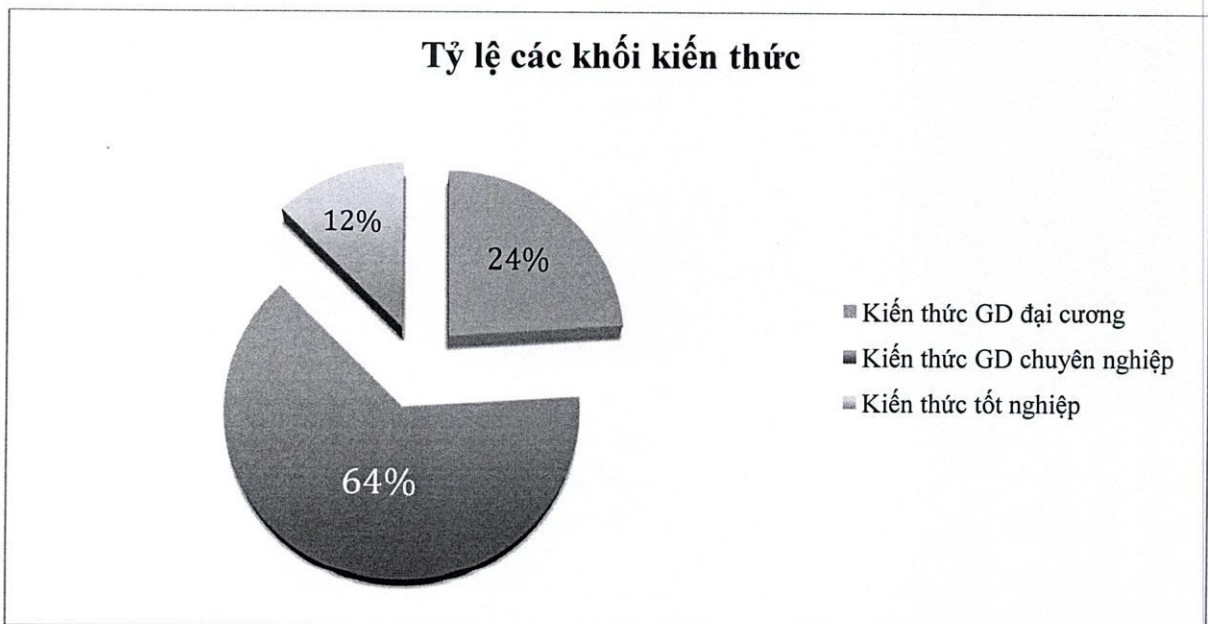
+ Kiến thức tự chọn: 17 tín chỉ, chiếm tỷ lệ 13,2% CTĐT

c) **Khối kiến thức tốt nghiệp:** 16 tín chỉ, chiếm tỷ lệ 12,4% CTĐT, trong đó:

+ Thực tập tốt nghiệp: 7 tín chỉ, chiếm tỷ lệ 5,4% CTĐT

+ Khóa luận tốt nghiệp hoặc các học phần thay thế: 9 tín chỉ, chiếm tỷ lệ 7% CTĐT.

* Sơ đồ tỷ lệ các khối kiến thức:





6.3. Bảng các học phần trong Chương trình dạy học

Stt	Tên học phần	Mã HP	Loại HP	Số TC	Hình thức tổ chức Dạy – Học				Điều kiện tiên quyết
					Trên lớp		LVN	Tự học	
					Lý thuyết	Thảo luận			
I. KHỐI KIẾN THỨC ĐẠI CƯƠNG: 31 tín chỉ									
1.1. PHẦN BẮT BUỘC CHUNG: 27 tín chỉ									
1	Triết học Mác – Lênin	CLC.ĐB01	BB	3	24	10	6	5	
2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	CLC.ĐB02	BB	2	16	7	4	3	CLC.ĐB01
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	CLC.ĐB03	BB	2	16	7	4	3	CLC.ĐB02
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	CLC.ĐB04	BB	2	16	7	4	3	CLC.ĐB03
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	CLC.ĐB05	BB	2	16	7	4	3	CLC.ĐB03
6	Nghề luật và phương pháp học luật	CLC.ĐB06	BB	2	12	8	5	5	
7	Tiếng Anh nâng cao	CLC.ĐB07	BB	3	18	12	8	7	
8	Tiếng Anh nghe nói nâng cao	CLC.ĐB08	BB	3	18	12	8	7	CLC.ĐB07
9	Tiếng Anh pháp lý cơ bản	CLC.ĐB09	BB	4	26	14	10	10	CLC.ĐB08
10	Tin học	CLC.ĐB10	BB	3	18	12	8	7	
11	Phương pháp điều tra xã hội học	CLC.ĐB11	BB	1	6	4	3	2	
1.2. PHẦN TỰ CHỌN: Chọn 4 tín chỉ									
12	Kinh tế vĩ mô	CLC.ĐC01	TC	2	12	8	5	5	
13	Quan hệ kinh tế quốc tế	CLC.ĐC02	TC	2	12	8	5	5	
14	Lịch sử văn minh thế giới	CLC.ĐC03	TC	2	12	8	5	5	

Stt	Tên học phần	Mã HP	Loại HP	Số TC	Hình thức tổ chức Day – Học				Điều kiện tiên quyết
					Trên lớp		LVN	Tự học	
					Lý thuyết	Thảo luận			
15	Đại cương văn hóa Việt Nam	CLC.ĐC04	TC	2	12	8	5	5	
16	Tâm lý đại cương	CLC.ĐC05	TC	2	12	8	5	5	
17	Logic học	CLC.ĐC06	TC	2	12	8	5	5	
18	Xã hội học pháp luật	CLC.ĐC07	TC	2	12	8	5	5	
19	Kinh tế học pháp luật	CLC.ĐC08	TC	2	12	8	5	5	
20	Tiếng Anh pháp lý nâng cao	CLC.ĐC09	TC	2	12	8	5	5	
II. KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP: 82 tín chỉ									
2.1. PHẦN BẮT BUỘC: 65 tín chỉ , gồm các học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành và kiến thức ngành; Thực tập nghề									
21	Lý luận về nhà nước và pháp luật	CLC.CB01	BB	4	26	14	10	10	
22	Lịch sử nhà nước và pháp luật	CLC.CB02	BB	2	12	8	5	5	
23	Luật hiến pháp Việt Nam	CLC.CB03	BB	4	24	16	10	10	
24	Xây dựng văn bản pháp luật	CLC.CB04	BB	2	12	8	5	5	CLC.CB01 CLC.CB03 CLC.CB05
25	Luật hành chính Việt Nam	CLC.CB05	BB	4	26	14	10	10	CLC.CB01 CLC.CB03
26	Luật hình sự 1	CLC.CB06	BB	3	18	12	8	7	CLC.CB01
27	Luật hình sự 2	CLC.CB07	BB	2	12	8	5	5	CLC.CB06
28	Luật tố tụng hình sự	CLC.CB08	BB	3	18	12	8	7	CLC.CB06 CLC.CB07
29	Tội phạm học	CLC.CB09	BB	2	12	8	5	5	CLC.CB06 CLC.CB07
30	Luật dân sự 1	CLC.CB10	BB	3	18	12	8	7	CLC.CB01
31	Luật dân sự 2	CLC.CB11	BB	2	12	8	5	5	CLC.CB10
32	Luật sở hữu trí tuệ	CLC.CB12	BB	2	12	8	5	5	CLC.CB10 CLC.CB11
33	Luật hôn nhân và gia đình	CLC.CB13	BB	2	12	8	5	5	CLC.CB10
34	Luật tố tụng dân sự	CLC.CB14	BB	3	18	12	8	7	CLC.CB10 CLC.CB11 CLC.CB13
35	Luật thương mại 1	CLC.CB15	BB	3	18	12	8	7	CLC.CB10
36	Luật thương mại 2	CLC.CB16	BB	2	12	8	5	5	CLC.CB15
37	Luật lao động	CLC.CB17	BB	3	18	12	8	7	CLC.CB11
38	Luật tài chính	CLC.CB18	BB	3	18	12	8	7	CLC.CB05
39	Luật đất đai	CLC.CB19	BB	3	18	12	8	7	CLC.CB05 CLC.CB11
40	Public International Law (<i>Công pháp quốc tế</i>)	CLC.CB20	BB	4	26	14	10	10	CLC.ĐB09 CLC.CB03

Stt	Tên học phần	Mã HP	Loại HP	Số TC	Hình thức tổ chức Dạy – Học				Điều kiện tiên quyết
					Trên lớp		LVN	Tự học	
					Lý thuyết	Thảo luận			
41	Tư pháp quốc tế	CLC.CB21	BB	4	26	14	10	10	CLC.CB10
42	ASEAN Community Law (<i>Pháp luật cộng đồng ASEAN</i>)	CLC.CB22	BB	2	12	8	5	5	CLC.CB20
43	International Trade & Business Law (<i>Luật Thương mại quốc tế</i>)	CLC.CB23	BB	3	18	12	8	7	CLC.ĐB09 CLC.CB16
2.2. PHẦN TỰ CHỌN: 17 tín chỉ , gồm các học phần thuộc khối kiến thức: Cơ sở ngành, chuyên ngành và kỹ năng (riêng các học phần giảng dạy bằng tiếng Anh chọn 13 tín chỉ).									
2.2.2.1. Kiến thức cơ sở ngành									
44	Comparative Law (<i>Luật học so sánh</i>)	CLC.CT01	TC	3	18	12	8	7	CLC.ĐB09 CLC.CB01 CLC.CB03
2.2.2. Kiến thức chuyên ngành:									
2.2.2.1. Chuyên ngành Pháp luật nhà nước và pháp luật hành chính									
45	Tổ chức và hoạt động của toà án nhân dân, viện kiểm sát nhân dân	CLC.CT02	TC	2	12	8	5	5	CLC.CB03
46	Comparative constitution law (<i>Luật hiến pháp so sánh</i>)	CLC.CT03	TC	2	12	8	5	5	CLC.ĐB09 CLC.CB03
47	Luật tổ tụng hành chính	CLC.CT04	TC	2	12	8	5	5	CLC.CB05
48	Luật sư, công chứng, chứng thực	CLC.CT05	TC	2	12	8	5	5	CLC.CB05
49	Thanh tra, khiếu tố	CLC.CT06	TC	2	12	8	5	5	CLC.CB05
50	Fundamental Civil Rights in the Modern World (<i>Quyền dân sự cơ bản của người dân trong thế giới hiện đại</i>)	CLC.CT07	TC	2	12	8	5	5	CLC.ĐB09 CLC.CB03
2.2.2.2. Chuyên ngành Pháp luật hình sự									
51	International Criminal Law (<i>Luật hình sự quốc tế</i>)	CLC.CT08	TC	2	12	8	5	5	CLC.ĐB09 CLC.CB07
52	Khoa học điều tra tội phạm	CLC.CT09	TC	2	12	8	5	5	CLC.CB08
53	Thủ tục đặc biệt trong tố tụng hình sự	CLC.CT10	TC	2	12	8	5	5	CLC.CB08
54	Tâm lý học tư pháp	CLC.CT11	TC	2	12	8	5	5	CLC.ĐC05
55	Tâm lý học tội phạm	CLC.CT12	TC	2	12	8	5	5	CLC.ĐC05
56	Pháp luật về phòng chống tham nhũng	CLC.CT13	TC	2	12	8	5	5	
57	Luật thi hành án hình sự	CLC.CT14	TC	2	12	8	5	5	CLC.CB07

Stt	Tên học phần	Mã HP	Loại HP	Số TC	Hình thức tổ chức Dạy – Học				Điều kiện tiên quyết
					Trên lớp		LVN	Tự học	
					Lý thuyết	Thảo luận			
58	Tư pháp đối với người chưa thành niên	CLC.CT15	TC	2	12	8	5	5	CLC.CB07
2.2.2.3. Chuyên ngành Pháp luật dân sự									
59	Law on Security Devices (<i>Pháp luật về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ</i>)	CLC.CT16	TC	2	12	8	5	5	CLC.ĐB09 CLC.CB10
60	Pháp luật về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng chuyên sâu	CLC.CT17	TC	2	12	8	5	5	CLC.CB11
61	Luật La Mã	CLC.CT18	TC	2	12	8	5	5	CLC.CB01
62	Thủ tục đặc biệt trong tố tụng dân sự	CLC.CT19	TC	2	12	8	5	5	CLC.CB14
63	Luật thi hành án dân sự	CLC.CT20	TC	3	18	12	8	7	CLC.CB14
64	Luật nhà ở	CLC.CT21	TC	2	12	8	5	5	CLC.CB10 CLC.CB11
65	Comparative Contract Law (<i>Luật hợp đồng so sánh</i>)	CLC.CT22	TC	2	12	8	5	5	CLC.ĐB09 CLC.CB11
66	Pháp luật về hợp đồng chuyên sâu	CLC.CT23	TC	3	18	12	8	7	CLC.CB11
67	Pháp luật về quyền nhân thân	CLC.CT24	TC	2	12	8	5	5	CLC.CB11
2.2.2.4. Chuyên ngành Pháp luật kinh tế									
68	Luật đầu tư	CLC.CT25	TC	2	12	8	5	5	CLC.CB11
69	Luật an sinh xã hội	CLC.CT26	TC	2	12	8	5	5	CLC.CB17
70	Luật ngân hàng	CLC.CT27	TC	3	18	12	8	7	CLC.CB18
71	Luật chứng khoán	CLC.CT28	TC	2	12	8	5	5	CLC.CB18
72	Luật kinh doanh bảo hiểm	CLC.CT29	TC	2	12	8	5	5	CLC.CB18
73	Luật cạnh tranh và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	CLC.CT30	TC	2	12	8	5	5	CLC.CB11 CLC.CB16
74	Luật môi trường	CLC.CT31	TC	3	18	12	8	7	CLC.CB05
75	Pháp luật về kinh doanh bất động sản	CLC.CT32	TC	2	12	8	5	5	CLC.CB19
76	Pháp luật về thu hồi đất, bồi thường và giải phóng mặt bằng	CLC.CT33	TC	2	12	8	5	5	CLC.CB19
77	Pháp luật tài chính doanh nghiệp	CLC.CT34	TC	2	12	8	5	5	CLC.CB16 CLC.CB18
2.2.2.5. Chuyên ngành Pháp luật quốc tế và thương mại quốc tế									
78	Modern International Law of the Sea (<i>Luật biển quốc tế hiện đại</i>)	CLC.CT35	TC	3	18	12	8	7	CLC.CB20

Stt	Tên học phần	Mã HP	Loại HP	Số TC	Hình thức tổ chức Dạy – Học				Điều kiện tiên quyết
					Trên lớp		LVN	Tự học	
					Lý thuyết	Thảo luận			
79	Pháp luật Việt Nam và pháp luật quốc tế về quyền con người	CLC.CT36	TC	3	18	12	8	7	CLC.CB20
80	Pháp luật về điều ước quốc tế	CLC.CT37	TC	2	12	8	5	5	CLC.CB20
81	Pháp luật về đấu thầu	CLC.CT38	TC	2	12	8	5	5	CLC.CB23
82	Pháp luật vận chuyển hàng hải quốc tế	CLC.CT39	TC	2	12	8	5	5	CLC.CB21
83	Pháp luật vận chuyển hàng không quốc tế	CLC.CT40	TC	2	12	8	5	5	CLC.CB21
84	Law on Commercial Arbitration (<i>Pháp luật về trọng tài thương mại</i>)	CLC.CT41	TC	3	18	12	8	7	CLC.ĐB09 CLC.CB21
85	PL hải quan trong kinh doanh xuất nhập khẩu	CLC.CT42	TC	2	12	8	5	5	CLC.CB21
86	Pháp luật liên minh châu Âu	CLC.CT43	TC	3	18	12	8	7	CLC.CB20
87	WTO Law (<i>Luật WTO</i>)	CLC.CT44	TC	2	12	8	5	5	CLC.ĐB09 CLC.CB20 CLC.CB23
88	International Investment Law (<i>Luật đầu tư quốc tế</i>)	CLC.CT45	TC	2	12	8	5	5	CLC.ĐB09 CLC.CB20 CLC.CB23
89	Law on International Franchising (<i>Luật nhượng quyền thương mại QT</i>)	CLC.CT46	TC	2	12	8	5	5	CLC.ĐB09 CLC.CB16
90	Law on International Commercial Alternative Dispute Resolution (<i>Pháp luật về các phương thức giải quyết tranh chấp thay thế trong thương mại QT</i>)	CLC.CT47	TC	2	12	8	5	5	CLC.ĐB09 CLC.CB23
91	Pháp luật về mua bán và sáp nhập doanh nghiệp xuyên biên giới	CLC.CT48	TC	2	12	8	5	5	CLC.CB23
2.2.3. Các học phần kỹ năng									
92	Kỹ năng chung về tư vấn pháp luật	CLC.CT49	TC	2	12	8	5	5	
93	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực hành chính	CLC.CT50	TC	2	12	8	5	5	CLC.CB05 CLC.CT49
94	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực hình sự	CLC.CT51	TC	2	12	8	5	5	CLC.CB07 CLC.CT49
95	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực dân sự	CLC.CT52	TC	2	12	8	5	5	CLC.CB11 CLC.CT49

Stt	Tên học phần	Mã HP	Loại HP	Số TC	Hình thức tổ chức Đạy – Học				Điều kiện tiên quyết
					Trên lớp		LVN	Tự học	
					Lý thuyết	Thảo luận			
96	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình	CLC.CT53	TC	2	12	8	5	5	CLC.CB13 CLC.CT49
97	Kỹ năng tư vấn trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ	CLC.CT54	TC	2	12	8	5	5	CLC.CB12 CLC.CT49
98	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực thương mại	CLC.CT55	TC	2	12	8	5	5	CLC.CB11 CLC.CB16 CLC.CT49
99	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực lao động	CLC.CT56	TC	3	18	12	8	7	CLC.CB17 CLC.CT49
100	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực đất đai	CLC.CT57	TC	3	18	12	8	7	CLC.CB19 CLC.CT49
101	Kỹ năng tư vấn pháp luật thuế, tài chính doanh nghiệp	CLC.CT58	TC	2	12	8	5	5	CLC.CB16 CLC.CB18 CLC.CT49
102	Kỹ năng tham gia giải quyết các vụ án hành chính	CLC.CT59	TC	2	12	8	5	5	CLC.CT05
103	Kỹ năng thực hành một số hoạt động trong tổ tụng hình sự	CLC.CT60	TC	3	18	12	8	7	CLC.CB08
104	Kỹ năng tham gia giải quyết các vụ án dân sự	CLC.CT61	TC	3	18	12	8	7	CLC.CB14
105	Kỹ năng soạn thảo văn bản hành chính thông dụng	CLC.CT62	TC	2	12	8	5	5	CLC.CB05
106	Hệ thống hóa văn bản pháp luật	CLC.CT63	TC	2	12	8	5	5	CLC.CB04
107	Đánh giá tác động chính sách trong xây dựng pháp luật	CLC.CT64	TC	2	12	8	5	5	CLC.CB04
108	Legal reasoning and writing skills (<i>Kỹ năng lập luận và viết dành cho nghề luật</i>)	CLC.CT65	TC	2	12	8	5	5	CLC.ĐB09 CLC.CB01
109	Presentation skills for lawyer in adversarial context (<i>Kỹ năng tranh tụng của nghề luật</i>)	CLC.CT66	TC	2	12	8	5	5	CLC.CT65
110	Cases Studies and Analysis (<i>Kỹ năng nghiên cứu và phân tích án lệ</i>)	CLC.CT67	TC	2	12	8	5	5	CLC.ĐB09 CLC.CB01
111	Moot Court Competition in International Trade and Business Law (<i>Kỹ năng</i>	CLC.CT68	TC	2	12	8	5	5	CLC.ĐB09 CLC.CB14 CLC.CB23

Stt	Tên học phần	Mã HP	Loại HP	Số TC	Hình thức tổ chức Dạy – Học				Điều kiện tiền quyết
					Trên lớp		LVN	Tự học	
					Lý thuyết	Thảo luận			
	<i>diễn án giả tưởng trong lĩnh vực thương mại quốc tế</i>								
KHỐI KIẾN THỨC TỐT NGHIỆP: 16 tín chỉ									
Viết Khóa luận tốt nghiệp; thực tập chuyên môn; đăng ký học và thi các học phần tự chọn thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp thay cho khóa luận tốt nghiệp									
<ol style="list-style-type: none"> 1. Đi thực tập chuyên môn có khối lượng bằng 7 tín chỉ (bắt buộc, tương đương 315 giờ thực tập tại cơ sở). 2. Viết Khóa luận tốt nghiệp: Áp dụng cho sinh viên đủ điều kiện theo quy định của Trường (9 tín chỉ). 3. Sinh viên không đủ điều kiện viết Khóa luận tốt nghiệp hoặc không có nguyện vọng viết Khóa luận tốt nghiệp phải đăng ký học và thi các học phần thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (9 tín chỉ). 									

6.4. Điều kiện tốt nghiệp

Sinh viên theo học CTĐT CLC của Trường Đại học Luật Hà Nội được Trường xét công nhận tốt nghiệp và cấp bằng cử nhân ngành Luật - Chương trình đào tạo chất lượng cao khi có đủ các điều kiện sau:

- a) Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ theo yêu cầu của chương trình đào tạo, đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo;
- b) Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ trung bình trở lên;
- c) Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;
- d) Có chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng - An ninh và hoàn thành học phần Giáo dục thể chất;
- đ) Có đơn gửi phòng Đào tạo đại học đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khóa học.

7. TIẾN TRÌNH ĐÀO TẠO: 129 tín chỉ (Tối đa 8 học kỳ)

Học kỳ (Số TC)	Học phần	Mã HP	Đợt học trong HK	Số TC	Loại HP	ĐK tiên quyết	Ghi chú
HK1 19 TC	Triết học Mác - Lênin	CLC.ĐB01	Đợt 1-3	3	BB		
	Nghề luật và phương pháp học luật	CLC.ĐB06	Đợt 2	2	BB		
	Tin học	CLC.ĐB10	Đợt 1-3	3	BB		
	Tiếng Anh nâng cao	CLC.ĐB07	Đợt 1-3	3	BB		
	Lý luận về nhà nước và pháp luật	CLC.CB01	Đợt 1-3	4	BB		
	Luật hiến pháp Việt Nam	CLC.CB03	Đợt 1-3	4	BB		
HK2 18 TC	Giáo dục thể chất			3	BB		
	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	CLC.ĐB02	Đợt 1	2	BB	CLC.ĐB01	
	Chủ nghĩa xã hội khoa học	CLC.ĐB03	Đợt 2	2	BB	CLC.ĐB02	
	Phương pháp điều tra xã hội học	CLC.ĐB11	Đợt 3	1	BB		
	Tiếng Anh nghe nói nâng cao	CLC.ĐB08	Đợt 1-3	3	BB	CLC.ĐB07	
	Luật hành chính Việt Nam	CLC.CB05	Đợt 1-3	4	BB	CLC.CB01 CLC.CB03	
	Luật hình sự 1	CLC.CB06	Đợt 1	3	BB	CLC.CB01	
	Luật dân sự 1	CLC.CB10	Đợt 1-3	3	BB	CLC.CB01	
HK3 17 TC	Giáo dục Quốc phòng-An ninh			8	BB		
	Tiếng Anh pháp lý cơ bản	CLC.ĐB09	Đợt 1-3	4	BB	CLC.ĐB08	
	Lịch sử nhà nước và pháp luật	CLC.CB02	Đợt 3	2	BB		
	Luật thương mại 1	CLC.CB15	Đợt 1-3	3	BB	CLC.CB10	
	Luật hình sự 2	CLC.CB07	Đợt 1-3	2	BB	CLC.CB06	
	Luật dân sự 2	CLC.CB11	Đợt 3	2	BB	CLC.CB10	
	Các học phần tự chọn: 4 TC của khối kiến thức giáo dục đại cương						
HK4 16 TC	Xây dựng văn bản pháp luật	CLC.CB04	Đợt 1	2	BB	CLC.CB01 CLC.CB03 CLC.CB05	
	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	CLC.ĐB05	Đợt 1	2	BB	CLC.ĐB03	
	Tư tưởng Hồ Chí Minh	CLC.ĐB04	Đợt 3	2	BB	CLC.ĐB03	
	Luật tố tụng hình sự	CLC.CB08	Đợt 1-3	3	BB	CLC.CB06 CLC.CB07	
	Luật hôn nhân và gia đình	CLC.CB13	Đợt 2	2	BB	CLC.CB10	
	Tội phạm học	CLC.CB09	Đợt 1	2	BB	CLC.CB06 CLC.CB07	
	Luật thương mại 2	CLC.CB16	Đợt 3	2	BB	CLC.CB15	
	Luật tài chính	CLC.CB18	Đợt 1-3	3	BB	CLC.CB05	
HK5 15 TC	Luật sở hữu trí tuệ	CLC.CB12	Đợt 2	2	BB	CLC.CB10 CLC.CB11	
	Luật tố tụng dân sự	CLC.CB14	Đợt 1-3	3	BB	CLC.CB10 CLC.CB11 CLC.CB13	

Học kỳ (Số TC)	Học phần	Mã HP	Đợt học trong HK	Số TC	Loại HP	ĐK tiên quyết	Ghi chú	
	Public International Law	CLC.CB20	Đợt 1-3	4	BB	CLC.ĐB09 CLC.CB03		
	Luật lao động	CLC.CB17	Đợt 1-3	3	BB	CLC.CB11		
	Luật đất đai	CLC.CB18	Đợt 1-3	3	BB	CLC.CB05 CLC.CB11		
HK6 17 TC	Tư pháp quốc tế	CLC.CB21	Đợt 1-3	4	BB	CLC.CB10		
	ASEAN Community Law	CLC.CB22	Đợt 1	2	BB	CLC.CB20		
	International Trade & Business Law	CLC.CB23	Đợt 1-3	3	BB	CLC.ĐB09 CLC.CB16		
	Các học phần tự chọn: 08 TC của khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp							
HK7 16 TC	Thực tập chuyên môn: 7 TC bắt buộc							
	Các học phần tự chọn: 9 TC của khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp							
HK8 9 TC	Viết Khóa luận tốt nghiệp: Áp dụng cho sinh viên đủ điều kiện theo quy định của Trường (9 tín chỉ).							
	Sinh viên không đủ điều kiện viết Khóa luận tốt nghiệp hoặc không có nguyện vọng viết Khóa luận tốt nghiệp phải đăng ký học và thi các học phần thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 9 tín chỉ							

8. MA TRẬN THỂ HIỆN SỰ ĐÓNG GÓP CỦA CÁC HỌC PHẦN VÀO VIỆC ĐÁP ỨNG CHUẨN ĐẦU RA

TT	Tên học phần	Chuẩn kiến thức																Chuẩn kỹ năng															Chuẩn thái độ							
		K 1	K 2	K 3	K 4	K 5	K 6	K 7	K 8	K 9	K 10	K 11	K 12	K 13	K 14	K 15	K 16	S 17	S 18	S 19	S 20	S 21	S 22	S 23	S 24	S 25	S 26	S 27	S 28	S 29	S 30	S 31	T 32	T 33	T 34	T 35	T 36			
NỘI DUNG TỔNG THỂ																																								
I. KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG																																								
1.1. PHẦN BẮT BUỘC CHUNG																																								
1.	Triết học Mác-Lênin	X	X																																	X	X	X	X	X
2.	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	X																										X	X	X				X	X	X	X	X	X	X
3.	Chủ nghĩa xã hội khoa học	X																										X	X	X				X	X	X	X	X	X	X
4.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	X	X																									X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
5.	Lịch sử Đảng CSVN	X																										X	X	X				X	X	X	X	X	X	X
6.	Nghề luật và phương pháp học luật																X									X	X	X	X	X						X	X	X	X	
7.	Tiếng Anh nâng cao														X												X	X	X				X		X	X	X	X		
8.	Tiếng Anh nghe nói nâng cao														X												X	X	X	X			X		X	X	X	X		
9.	Tiếng Anh pháp lý cơ bản												X		X	X											X	X	X	X			X	X	X	X	X	X		
10.	Tin học													X																										
11.	Phương pháp điều tra xã hội học	X															X	X	X								X	X	X	X						X				

TT	Tên học phần	Chuẩn kiến thức															Chuẩn kỹ năng															Chuẩn thái độ								
		K 1	K 2	K 3	K 4	K 5	K 6	K 7	K 8	K 9	K 10	K 11	K 12	K 13	K 14	K 15	K 16	S 17	S 18	S 19	S 20	S 21	S 22	S 23	S 24	S 25	S 26	S 27	S 28	S 29	S 30	S 31	T 32	T 33	T 34	T 35	T 36			
1.2. PHẦN TỰ CHỌN																																								
12.	Kinh tế vĩ mô	X																										X	X	X		X				X	X			
13.	Quan hệ kinh tế quốc tế	X																			X								X	X	X	X		X	X	X	X	X		
14.	Lịch sử văn minh thế giới	X	X	X		X	X			X	X																						X	X	X	X	X	X	X	
15.	Đại cương văn hoá Việt Nam		X																							X	X	X	X		X	X	X	X	X	X	X	X	X	
16.	Tâm lí học đại cương			X																					X	X	X	X	X				X	X	X	X	X			
17.	Logic học			X													X								X	X	X	X			X	X	X	X						
18.	Xã hội học pháp luật			X																					X		X			X	X	X	X	X	X	X	X			
19.	Kinh tế học pháp luật	X				X																			X	X	X				X	X	X	X	X	X	X			
20.	Tiếng Anh pháp lý nâng cao											X		X	X										X	X	X	X		X	X	X	X	X	X	X	X			
II. KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP																																								
2.1. PHẦN BẮT BUỘC																																								
21.	Lý luận về nhà nước và pháp luật	X	X															X	X	X						X	X	X		X			X	X	X	X	X	X		
22.	Lịch sử nhà nước và pháp luật	X	X	X	X	X	X			X	X	X																			X	X	X	X	X	X	X	X		
23.	Luật hiến pháp Việt Nam	X	X		X												X	X	X						X	X	X			X	X	X	X	X	X	X	X	X		

TT	Tên học phần	Chuẩn kiến thức																Chuẩn kỹ năng															Chuẩn thái độ							
		K 1	K 2	K 3	K 4	K 5	K 6	K 7	K 8	K 9	K 10	K 11	K 12	K 13	K 14	K 15	K 16	S 17	S 18	S 19	S 20	S 21	S 22	S 23	S 24	S 25	S 26	S 27	S 28	S 29	S 30	S 31	T 32	T 33	T 34	T 35	T 36			
24.	Xây dựng văn bản pháp luật	X		X						X							X	X	X	X				X	X	X	X		X		X	X	X	X	X	X	X	X	X	
25.	Luật hành chính Việt Nam	X		X	X	X				X							X	X	X	X		X		X	X	X	X				X	X	X	X	X	X	X	X	X	
26.	Luật hình sự 1									X							X	X	X			X							X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	
27.	Luật hình sự 2										X						X	X	X	X		X							X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
28.	Luật tố tụng hình sự											X					X	X	X								X				X	X	X	X	X	X	X	X	X	
29.	Tội phạm học			X							X	X						X								X	X				X	X	X	X	X	X	X	X	X	
30.	Luật dân sự 1					X											X	X	X	X		X		X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	
31.	Luật dân sự 2					X											X	X	X	X		X		X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	
32.	Luật sở hữu trí tuệ					X	X										X	X	X						X	X	X				X	X			X		X			
33.	Luật hôn nhân và gia đình																X	X	X						X	X	X				X	X	X	X	X	X	X	X	X	
34.	Luật tố tụng dân sự					X	X				X						X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	
35.	Luật thương mại 1						X										X	X													X	X	X	X	X	X	X	X		
36.	Luật thương mại 2						X										X	X													X	X	X	X	X	X	X	X		
37.	Luật lao động			X			X	X									X	X	X	X	X	X		X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	
38.	Luật tài chính			X			X										X								X	X	X				X	X	X	X	X	X	X	X		
39.	Luật đất đai				X	X	X			X		X	X				X	X	X		X	X		X	X	X	X			X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	
40.	Public International Law	X	X			X		X		X	X	X				X	X	X	X	X	X	X	X		X	X	X	X			X	X	X	X	X	X	X			

TT	Tên học phần	Chuẩn kiến thức															Chuẩn kỹ năng															Chuẩn thái độ				
		K 1	K 2	K 3	K 4	K 5	K 6	K 7	K 8	K 9	K 10	K 11	K 12	K 13	K 14	K 15	K 16	S 17	S 18	S 19	S 20	S 21	S 22	S 23	S 24	S 25	S 26	S 27	S 28	S 29	S 30	S 31	T 32	T 33	T 34	T 35
41.	Tư pháp quốc tế					X		X				X						X	X	X	X				X	X						X	X	X	X	X
42.	ASEAN Community Law	X	X				X	X					X					X	X	X		X			X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
43.	International Trade & Business Law											X				X	X	X								X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
2.2. PHẦN TỰ CHỌN																																				
2.2.1. KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH																																				
44.	Comparative Law	X			X	X					X	X					X	X							X	X	X					X	X	X	X	
2.2.2. KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH																																				
2.2.2.1. Chuyên ngành Pháp luật nhà nước và pháp luật hành chính																																				
45.	Tổ chức và hoạt động của toà án nhân dân, viện kiểm sát nhân dân	X	X		X						X	X					X	X					X		X	X	X				X	X	X	X	X	X
46.	Comparative Constitution Law				X									X			X	X	X							X	X	X				X	X	X	X	X
47.	Luật Tố tụng hành chính										X						X	X					X	X							X	X	X	X	X	
48.	Luật sư công chứng, chứng thực								X								X	X													X	X	X	X		
49.	Thanh tra, khiếu tố								X																					X	X	X	X	X		
50.	Fundamental civil rights in the modern world	X	X		X	X					X	X	X			X	X	X	X	X		X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	

TT	Tên học phần	Chuẩn kiến thức															Chuẩn kỹ năng															Chuẩn thái độ				
		K 1	K 2	K 3	K 4	K 5	K 6	K 7	K 8	K 9	K 10	K 11	K 12	K 13	K 14	K 15	K 16	S 17	S 18	S 19	S 20	S 21	S 22	S 23	S 24	S 25	S 26	S 27	S 28	S 29	S 30	S 31	T 32	T 33	T 34	T 35
2.2.2.2. Chuyên ngành Pháp luật hình sự																																				
51.	Luật hình sự quốc tế									X	X		X			X		X	X			X									X	X	X		X	
52.	Khoa học điều tra tội phạm			X						X	X	X						X							X	X	X			X	X	X	X	X	X	X
53.	Thủ tục đặc biệt trong tố tụng hình sự			X						X	X						X	X	X									X				X	X	X	X	X
54.	Tâm lí học tư pháp			X						X									X						X	X	X	X			X	X	X	X	X	
55.	Tâm lí học tội phạm			X						X														X	X	X	X	X			X	X	X	X	X	
56.	Pháp luật về phòng chống tham nhũng	X		X			X		X	X	X	X					X	X								X	X				X	X	X	X	X	
57.	Luật thi hành án hình sự									X	X	X					X	X	X				X		X	X	X			X	X	X	X	X		
58.	Tư pháp đối với người chưa thành niên			X						X	X	X					X	X	X				X		X	X	X			X	X	X	X	X		
2.2.2.3. Chuyên ngành Pháp luật dân sự																																				
59.	Law on Security Devices				X						X	X				X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	
60.	Pháp luật về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng chuyên sâu				X						X						X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	
61.	Luật La Mã		X		X					X							X	X																X		

TT	Tên học phần	Chuẩn kiến thức															Chuẩn kỹ năng															Chuẩn thái độ							
		K 1	K 2	K 3	K 4	K 5	K 6	K 7	K 8	K 9	K 10	K 11	K 12	K 13	K 14	K 15	K 16	S 17	S 18	S 19	S 20	S 21	S 22	S 23	S 24	S 25	S 26	S 27	S 28	S 29	S 30	S 31	T 32	T 33	T 34	T 35	T 36		
62.	Thủ tục đặc biệt trong tố tụng dân sự					X	X					X	X					X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X		X	X	X	X	X	X	X	X	X	
63.	Luật thi hành án dân sự					X	X					X	X					X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X		X	X	X	X	X	X	X	X	X	
64.	Luật nhà ở	X				X												X	X	X			X		X	X	X	X		X	X	X	X	X	X	X	X	X	
65.	Comparative Contract Law					X	X		X				X			X	X	X							X	X	X							X	X	X	X		
66.	Pháp luật hợp đồng chuyên sâu					X							X					X	X	X	X	X			X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	
67.	Pháp luật về quyền nhân thân					X							X					X	X	X	X	X			X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	
2.2.2.4. Chuyên ngành Pháp luật kinh tế																																							
68.	Luật đầu tư					X																														X	X	X	X
69.	Luật an sinh xã hội			X		X	X											X	X	X			X		X	X	X	X	X		X	X	X	X	X	X	X	X	X
70.	Luật ngân hàng					X	X											X		X			X		X	X	X				X		X		X				
71.	Luật chứng khoán	X				X			X		X							X	X	X											X	X	X	X	X	X	X	X	X
72.	Luật kinh doanh bảo hiểm					X							X					X	X	X			X		X	X	X				X	X	X	X	X	X	X		
73.	Luật cạnh tranh và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	X				X	X			X	X	X	X					X	X						X	X	X				X	X	X						
74.	Luật môi trường	X			X	X	X	X		X	X	X						X	X	X			X	X	X	X	X	X			X	X	X	X	X	X	X	X	

TT	Tên học phần	Chuẩn kiến thức															Chuẩn kỹ năng															Chuẩn thái độ						
		K 1	K 2	K 3	K 4	K 5	K 6	K 7	K 8	K 9	K 10	K 11	K 12	K 13	K 14	K 15	K 16	S 17	S 18	S 19	S 20	S 21	S 22	S 23	S 24	S 25	S 26	S 27	S 28	S 29	S 30	S 31	T 32	T 33	T 34	T 35	T 36	
75.	Pháp luật về kinh doanh bất động sản	X	X		X	X	X			X		X	X					X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X		X	X	X	X	X	X	X	X
76.	Pháp luật về thu hồi đất, bồi thường giải phóng mặt bằng	X	X	X	X	X	X			X		X	X					X	X	X	X	X	X	X	X	X	X			X	X	X	X	X	X	X	X	X
77.	Pháp luật tài chính doanh nghiệp	X					X											X	X	X	X		X		X	X	X	X			X	X	X	X	X	X	X	
2.2.2.5. Chuyên ngành Pháp luật quốc tế và thương mại quốc tế																																						
78.	Modern International Law of the sea	X	X	X		X				X	X	X						X	X	X	X						X	X	X			X	X	X	X	X		
79.	Pháp luật Việt Nam và pháp luật quốc tế về quyền con người	X	X	X			X						X			X	X	X		X	X			X	X	X	X	X				X	X	X				
80.	Pháp luật về điều ước quốc tế	X	X	X			X											X		X	X			X	X	X	X	X				X	X	X				
81.	Pháp luật về đấu thầu							X										X	X							X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X		
82.	Pháp luật vận chuyển hàng hải quốc tế	X	X	X		X	X				X							X	X	X				X		X	X	X			X		X	X				
83.	Pháp luật vận chuyển hàng không quốc tế		X			X	X											X	X	X				X	X	X	X	X		X	X	X	X	X	X	X	X	X
84.	Law on Commercial Arbitration						X	X			X	X	X					X	X	X			X	X							X	X	X	X				

TT	Tên học phần	Chuẩn kiến thức															Chuẩn kỹ năng															Chuẩn thái độ					
		K 1	K 2	K 3	K 4	K 5	K 6	K 7	K 8	K 9	K 10	K 11	K 12	K 13	K 14	K 15	K 16	S 17	S 18	S 19	S 20	S 21	S 22	S 23	S 24	S 25	S 26	S 27	S 28	S 29	S 30	S 31	T 32	T 33	T 34	T 35	T 36
85.	Pháp luật hải quan trong kinh doanh xuất nhập khẩu	X	X			X	X	X	X				X					X	X			X	X			X	X	X				X	X	X	X	X	X
86.	Pháp luật Liên minh châu Âu	X	X			X		X	X		X	X						X	X														X	X			
87.	WTO Law							X					X			X	X	X							X	X	X	X		X	X	X	X	X			
88.	International Investment Law							X					X			X	X	X							X	X	X	X		X	X	X	X	X			
89.	Law on International Franchising		X				X	X					X			X	X	X							X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
90.	Law on International Commercial Alternative Dispute Resolution												X		X		X	X				X	X	X	X	X	X				X	X	X	X	X	X	
91.	Pháp luật về mua bán và sáp nhập doanh nghiệp xuyên biên giới								X				X			X	X	X						X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	
2.2.3. Các học phần kỹ năng																																					
92.	Kỹ năng chung về tư vấn Pháp luật											X					X	X			X	X		X	X	X	X	X			X	X	X	X	X	X	
93.	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực hành chính								X								X	X	X												X	X	X	X			

TT	Tên học phần	Chuẩn kiến thức															Chuẩn kỹ năng															Chuẩn thái độ				
		K 1	K 2	K 3	K 4	K 5	K 6	K 7	K 8	K 9	K 10	K 11	K 12	K 13	K 14	K 15	K 16	S 17	S 18	S 19	S 20	S 21	S 22	S 23	S 24	S 25	S 26	S 27	S 28	S 29	S 30	S 31	T 32	T 33	T 34	T 35
94.	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực hình sự									X	X	X					X	X	X	X	X	X	X		X	X					X	X	X	X	X	X
95.	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực dân sự					X						X					X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
96.	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình					X											X	X	X	X	X	X			X	X	X				X	X	X	X	X	X
97.	Kỹ năng tư vấn pháp luật sở hữu trí tuệ					X	X					X					X	X	X		X				X	X	X				X	X			X	
98.	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực thương mại					X											X	X		X	X	X		X							X	X	X	X		
99.	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực lao động			X		X					X						X	X	X	X	X	X		X	X	X	X	X		X	X	X	X	X	X	X
100.	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực đất đai	X	X	X	X	X				X		X	X				X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X		X	X	X	X	X	X	X
101.	Kỹ năng tư vấn pháp luật thuế, tài chính doanh nghiệp					X				X							X	X		X	X				X	X					X	X	X	X		
102.	Kỹ năng tham gia giải quyết các vụ án hành chính									X		X					X		X												X	X	X	X		

TT	Tên học phần	Chuẩn kiến thức															Chuẩn kỹ năng											Chuẩn thái độ								
		K 1	K 2	K 3	K 4	K 5	K 6	K 7	K 8	K 9	K 10	K 11	K 12	K 13	K 14	K 15	K 16	S 17	S 18	S 19	S 20	S 21	S 22	S 23	S 24	S 25	S 26	S 27	S 28	S 29	S 30	S 31	T 32	T 33	T 34	T 35
103.	Kỹ năng thực hành một số hoạt động tố tụng hình sự			X							X	X					X	X	X	X		X	X		X	X	X			X	X	X	X	X	X	X
104.	Kỹ năng tham gia giải quyết vụ án dân sự				X	X					X	X					X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X		X	X	X	X	X	X	X	X
105.	Kỹ năng soạn thảo các văn bản hành chính thông dụng			X					X								X	X	X	X					X	X	X		X		X	X	X	X	X	X
106.	Hệ thống hóa văn bản pháp luật	X		X					X								X	X	X		X				X	X	X		X		X	X	X	X	X	X
107.	Đánh giá tác động của chính sách trong xây dựng pháp luật	X		X					X								X	X							X	X	X				X	X	X	X	X	X
108.	Legal Reasoning and Writing Skills											X		X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
109.	Presentation Skills for Lawyer in Adversarial Context										X	X		X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
110.	Cases Studies and Analysis							X		X	X						X	X	X				X	X	X	X	X				X	X	X	X	X	X
111.	Moot Court Competition in International Trade and Business Law						X					X				X	X	X				X	X		X	X		X		X	X	X	X	X	X	X

9. MA TRẬN CÁC PHƯƠNG PHÁP DẠY - HỌC

Stt	Học phần	Lý thuyết		Seminar					Thực hành/ Tự học		
		Thuyết trình	Tình huống	Thuyết trình	Diễn án	Soạn thảo	Tình huống	Đóng vai	Kiến tập	Đề án	TNC
1.	Triết học Mác – Lênin	X		X							X
2.	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	X		X							X
3.	Chủ nghĩa xã hội khoa học	X		X							X
4.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	X		X							X
5.	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	X		X							X
6.	Nghề luật và phương pháp học luật	X	X	X			X	X			X
7.	Tiếng Anh nâng cao	X	X	X		X	X				X
8.	Tiếng Anh nghe nói nâng cao	X	X	X			X				X
9.	Tiếng Anh pháp lý cơ bản	X	X	X			X				X
10.	Tin học	X		X			X				X
11.	Phương pháp điều tra xã hội học	X	X	X			X				X
12.	Kinh tế vĩ mô	X		X							X
13.	Quan hệ kinh tế quốc tế	X		X			X				X
14.	Lịch sử văn minh thế giới	X		X							X
15.	Đại cương văn hóa Việt Nam	X		X							X
16.	Tâm lý đại cương	X	X	X			X				X
17.	Logic học	X	X	X			X				X
18.	Xã hội học pháp luật	X		X							X
19.	Kinh tế học pháp luật	X		X							X

Stt	Học phần	Lý thuyết		Seminar					Thực hành/ Tự học		
		Thuyết trình	Tình huống	Thuyết trình	Diễn án	Soạn thảo	Tình huống	Đóng vai	Kiểm tập	Đề án	TNC
20.	Tiếng Anh pháp lý nâng cao	X	X	X			X				X
21.	Lý luận về nhà nước và pháp luật	X		X							X
22.	Lịch sử nhà nước và pháp luật	X		X							X
23.	Luật hiến pháp Việt Nam	X	X	X			X		X		X
24.	Xây dựng văn bản pháp luật	X	X	X		X	X				X
25.	Luật hành chính Việt Nam	X	X	X			X				X
26.	Luật hình sự 1	X	X	X			X		X		X
27.	Luật hình sự 2	X	X	X			X		X		X
28.	Tội phạm học	X	X	X			X				X
29.	Luật tố tụng hình sự	X	X	X	X		X		X		X
30.	Luật dân sự 1	X	X	X			X				X
31.	Luật dân sự 2	X	X	X			X				X
32.	Luật sở hữu trí tuệ	X	X	X			X				X
33.	Luật hôn nhân và gia đình	X	X	X			X		X		X
34.	Luật tố tụng dân sự	X	X	X	X		X		X		X
35.	Luật thương mại 1	X	X	X			X		X		X
36.	Luật thương mại 2	X	X	X			X		X		X
37.	Luật lao động	X	X	X			X		X		X
38.	Luật tài chính	X	X	X			X				X
39.	Luật đất đai	X	X	X			X				X
40.	Public International Law	X	X	X			X				X
41.	Tư pháp quốc tế	X	X	X			X				X
42.	ASEAN Community Law	X	X	X			X				X
43.	International Trade & Business Law	X	X	X	X		X	X	X		X
44.	Comparative Law	X	X	X			X				X

Stt	Học phần	Lý thuyết		Seminar					Thực hành/ Tự học		
		Thuyết trình	Tình huống	Thuyết trình	Diễn án	Soạn thảo	Tình huống	Đóng vai	Kiến tập	Đề án	TNC
45.	Tổ chức và hoạt động của Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân	X		X			X	X	X		X
46.	Comparative Constitution Law	X	X	X			X				X
47.	Luật tố tụng hành chính	X	X	X	X		X		X		X
48.	Luật sư, công chứng, chứng thực	X	X	X			X		X		X
49.	Thanh tra, khiếu tố	X	X	X			X				X
50.	Fundamental Civil Rights in the Modern World	X	X	X			X				X
51.	International Criminal Law	X	X	X			X				X
52.	Khoa học điều tra tội phạm	X	X	X			X		X		X
53.	Thủ tục đặc biệt trong tố tụng hình sự	X	X	X			X		X		X
54.	Tâm lý học tư pháp	X	X	X			X				X
55.	Tâm lý học tội phạm	X	X	X			X				X
56.	Pháp luật về phòng chống tham nhũng	X	X	X			X				X
57.	Luật thi hành án hình sự	X	X	X			X				X
58.	Tư pháp đối với người chưa thành niên	X	X	X			X		X		X
59.	Law on Security Devices	X		X			X				X
60.	Pháp luật về trách nhiệm bồi thường	X	X	X			X				X

Stt	Học phần	Lý thuyết		Seminar					Thực hành/ Tự học		
		Thuyết trình	Tình huống	Thuyết trình	Diễn án	Soạn thảo	Tình huống	Đóng vai	Kiến tập	Đề án	TNC
	thiệt hại ngoài hợp đồng chuyên sâu										
61.	Luật La Mã	X		X							X
62.	Thủ tục đặc biệt trong tố tụng dân sự	X	X	X			X		X		X
63.	Luật thi hành án dân sự	X	X	X			X		X		X
64.	Luật nhà ở	X	X	X							X
65.	Comparative Contract Law	X	X	X			X				X
66.	Pháp luật hợp đồng chuyên sâu	X	X	X			X				X
67.	Pháp luật về quyền nhân thân	X	X	X			X				X
68.	Luật đầu tư	X	X	X			X				X
69.	Luật an sinh xã hội	X	X	X							X
70.	Luật ngân hàng	X	X	X			X				X
71.	Luật chứng khoán	X	X	X			X		X		X
72.	Luật kinh doanh bảo hiểm	X	X	X			X				X
73.	Luật cạnh tranh và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	X	X	X			X				X
74.	Luật môi trường	X	X	X			X		X		X
75.	Pháp luật về kinh doanh bất động sản	X	X	X			X				X
76.	Pháp luật về thu hồi đất, bồi thường và giải phóng mặt bằng	X	X	X			X				X
77.	Pháp luật tài chính doanh nghiệp	X	X	X			X				X
78.	Modern International Law of the Sea	X	X	X			X				X
79.	Pháp luật Việt Nam và pháp luật	X	X	X			X				X

Stt	Học phần	Lý thuyết		Seminar					Thực hành/ Tự học		
		Thuyết trình	Tình huống	Thuyết trình	Diễn án	Soạn thảo	Tình huống	Đóng vai	Kiến tập	Đề án	TNC
	quốc tế về quyền con người										
80.	Pháp luật về điều ước quốc tế	X	X	X			X				X
81.	Pháp luật về đấu thầu	X	X	X			X				X
82.	Pháp luật vận chuyển hàng hải quốc tế	X	X	X			X				X
83.	Pháp luật vận chuyển hàng không quốc tế	X		X			X				X
84.	Law on Commercial Arbitration	X	X	X	X		X		X		X
85.	Pháp luật hải quan trong kinh doanh xuất nhập khẩu	X	X	X			X				X
86.	Pháp luật Liên minh châu Âu	X	X	X			X				X
87.	WTO Law	X	X	X			X				X
88.	International Investment Law	X	X	X			X				X
89.	Law on International Franchising	X	X	X			X				X
90.	Law on International Commercial Alternative Dispute Resolution	X	X	X			X				X
91.	Pháp luật về mua bán và sát nhập xuyên biên giới	X	X	X			X				X
92.	Kỹ năng chung về tư vấn pháp luật	X	X	X			X	X	X		X
93.	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong	X	X	X		X	X	X	X		X

Stt	Học phần	Lý thuyết		Seminar					Thực hành/ Tự học		
		Thuyết trình	Tình huống	Thuyết trình	Diễn án	Soạn thảo	Tình huống	Đóng vai	Kiến tập	Đề án	TNC
	lĩnh vực hành chính										
94.	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực hình sự	X	X	X		X	X	X	X		X
95.	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực dân sự	X	X	X		X	X	X	X		X
96.	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình	X	X	X		X	X	X	X		X
97.	Kỹ năng tư vấn trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ	X	X	X		X	X	X	X		X
98.	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực thương mại	X	X	X		X	X	X	X		X
99.	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực lao động	X	X	X		X	X	X	X		X
100.	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực đất đai	X	X	X		X	X	X	X		X
101.	Kỹ năng tư vấn pháp luật thuế, tài chính doanh nghiệp	X	X	X		X	X	X	X		X
102.	Kỹ năng tham gia giải quyết các vụ án hành chính	X	X	X	X		X	X	X		X
103.	Kỹ năng thực hành một số hoạt động trong tổ tụng hình sự	X	X	X	X		X	X	X		X
104.	Kỹ năng tham gia giải quyết các vụ án dân sự	X	X	X	X		X	X	X		X

Stt	Học phần	Lý thuyết		Seminar					Thực hành/ Tự học		
		Thuyết trình	Tình huống	Thuyết trình	Diễn án	Soạn thảo	Tình huống	Đóng vai	Kiến tập	Đề án	TNC
105.	Kỹ năng soạn thảo văn bản hành chính thông dụng	X	X	X		X	X				X
106.	Hệ thống hóa văn bản pháp luật	X		X			X				X
107.	Đánh giá tác động chính sách trong xây dựng pháp luật	X		X							X
108.	Legal Reasoning and Writing Skills	X		X		X	X				X
109.	Presentation Skills for Lawyer in Adversarial Context	X		X	X		X	X			X
110.	Cases Studies and Analysis	X	X	X		X	X			X	X
111.	Moot Court Competition in International Trade and Business Law	X	X	X	X		X	X			X

10. MA TRẬN CÁC PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA NGƯỜI HỌC

Stt	Học phần	Đánh giá thường xuyên				Thi kết thúc học phần			
		Nhận thức và thái độ tham gia thảo luận	BT cá nhân	BT nhóm	BT học kỳ	Vấn đáp	Trắc nghiệm	Tự luận	Thực hành
1.	Triết học Mác – Lênin	X		X	X			X	
2.	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	X	X		X			X	
3.	Chủ nghĩa xã hội khoa học	X		X	X			X	
4.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	X	X		X			X	
5.	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	X	X		X		X		

Stt	Học phần	Đánh giá thường xuyên				Thi kết thúc học phần			
		Nhận thức và thái độ tham gia thảo luận	BT cá nhân	BT nhóm	BT học kỳ	Vấn đáp	Trắc nghiệm	Tự luận	Thực hành
6.	Nghề luật và phương pháp học luật	X		X	X			X	
7.	Tiếng Anh nâng cao	X	X		X		X		
8.	Tiếng Anh nghe nói nâng cao	X	X		X	X			
9.	Tiếng Anh pháp lý cơ bản	X	X		X		X		
10.	Tin học	X	X		X				X
11.	Phương pháp điều tra xã hội học	X		X	X			X	
12.	Kinh tế vĩ mô	X	X		X		X		
13.	Quan hệ kinh tế quốc tế	X		X	X			X	
14.	Lịch sử văn minh thế giới	X		X	X			X	
15.	Đại cương văn hóa Việt Nam	X		X	X		X		
16.	Tâm lý đại cương	X		X	X			X	
17.	Logic học	X	X		X			X	
18.	Xã hội học pháp luật	X		X	X			X	
19.	Kinh tế học pháp luật	X		X	X			X	
20.	Tiếng Anh pháp lý nâng cao	X	X		X		X		
21.	Lý luận về nhà nước và pháp luật	X	X		X	X			
22.	Lịch sử nhà nước và pháp luật	X	X		X			X	
23.	Luật hiến pháp Việt Nam	X		X	X			X	
24.	Xây dựng văn bản pháp luật	X	X		X			X	
25.	Luật hành chính Việt Nam	X		X	X	X			
26.	Luật hình sự 1	X	X		X			X	
27.	Luật hình sự 2	X	X		X			X	
28.	Luật tố tụng hình sự	X	X		X			X	
29.	Tội phạm học	X	X		X			X	
30.	Luật dân sự 1	X	X		X			X	
31.	Luật dân sự 2	X	X		X			X	
32.	Luật sở hữu trí tuệ	X		X	X			X	
33.	Luật hôn nhân và gia đình	X		X	X			X	

Stt	Học phần	Đánh giá thường xuyên				Thi kết thúc học phần			
		Nhận thức và thái độ tham gia thảo luận	BT cá nhân	BT nhóm	BT học kỳ	Vấn đáp	Trắc nghiệm	Tự luận	Thực hành
34.	Luật tố tụng dân sự	X		X	X			X	
35.	Luật thương mại 1	X	X		X			X	
36.	Luật thương mại 2	X	X		X			X	
37.	Luật lao động	X		X	X			X	
38.	Luật tài chính	X		X	X	X			
39.	Luật đất đai	X		X	X	X			
40.	Public International Law	X		X	X			X	
41.	Tư pháp quốc tế	X		X	X			X	
42.	ASEAN Community Law	X		X	X			X	
43.	Comparative Law	X		X	X			X	
44.	International Trade & Business Law	X		X	X		X		
45.	Tổ chức và hoạt động của tòa án nhân dân, viện kiểm sát nhân dân	X	X		X			X	
46.	Comparative Constitution Law	X		X	X			X	
47.	Luật tố tụng hành chính	X		X	X			X	
48.	Luật sư, công chứng, chứng thực	X	X		X			X	
49.	Thanh tra, khiếu tố	X	X		X			X	
50.	Fundamental Civil Rights in the Modern World	X		X	X			X	
51.	International Criminal Law	X		X	X			X	
52.	Khoa học điều tra tội phạm	X		X	X			X	
53.	Thủ tục đặc biệt trong tố tụng hình sự	X	X		X			X	
54.	Tâm lý học tư pháp	X		X	X			X	
55.	Tâm lý học tội phạm	X		X	X			X	
56.	Pháp luật về phòng chống tham nhũng	X	X		X			X	
57.	Luật thi hành án hình sự	X		X	X			X	

Stt	Học phần	Đánh giá thường xuyên			Thi kết thúc học phần				
		Nhận thức và thái độ tham gia thảo luận	BT cá nhân	BT nhóm	BT học kỳ	Vấn đáp	Trắc nghiệm	Tự luận	Thực hành
58.	Tư pháp đối với người chưa thành niên	X		X	X			X	
59.	Law on Security Devices	X		X	X			X	
60.	Pháp luật về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng chuyên sâu	X		X	X			X	
61.	Luật La Mã	X		X	X			X	
62.	Thủ tục đặc biệt trong tố tụng dân sự	X		X	X			X	
63.	Luật thi hành án dân sự	X		X	X			X	
64.	Luật nhà ở	X	X		X			X	
65.	Pháp luật hợp đồng chuyên sâu	X		X	X			X	
66.	Pháp luật về quyền nhân thân	X	X		X			X	
67.	Comparative Contract Law	X		X	X			X	
68.	Luật đầu tư	X	X		X			X	
69.	Luật an sinh xã hội	X		X	X			X	
70.	Luật ngân hàng	X	X		X			X	
71.	Luật chứng khoán	X		X	X			X	
72.	Luật kinh doanh bảo hiểm	X		X	X			X	
73.	Luật cạnh tranh và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	X		X	X			X	
74.	Luật môi trường	X	X		X			X	
75.	Pháp luật về kinh doanh bất động sản	X		X	X			X	
76.	Pháp luật về thu hồi đất, bồi thường và giải phóng mặt bằng	X		X	X			X	
77.	Pháp luật tài chính doanh nghiệp	X		X	X			X	
78.	Modern International Law of the Sea	X		X	X			X	

Stt	Học phần	Đánh giá thường xuyên				Thi kết thúc học phần			
		Nhận thức và thái độ tham gia thảo luận	BT cá nhân	BT nhóm	BT học kỳ	Vấn đáp	Trắc nghiệm	Tự luận	Thực hành
79.	Pháp luật Việt Nam và pháp luật quốc tế về quyền con người	X		X	X			X	
80.	Pháp luật về điều ước quốc tế	X		X	X			X	
81.	Pháp luật về đấu thầu	X		X	X			X	
82.	Pháp luật vận chuyển hàng hải quốc tế	X		X	X			X	
83.	Pháp luật vận chuyển hàng không quốc tế	X		X	X			X	
84.	Law on Commercial Arbitration	X		X	X			X	
85.	Pháp luật hải quan trong kinh doanh xuất nhập khẩu	X		X	X			X	
86.	Pháp luật Liên minh châu Âu	X		X	X			X	
87.	WTO Law	X		X	X		X		
88.	International Investment Law	X		X	X		X		
89.	Law on International Franchising	X		X	X			X	
90.	Law on International Commercial Alternative Dispute Resolution	X		X	X			X	
91.	Pháp luật về mua bán và sáp nhập doanh nghiệp xuyên biên giới	X		X	X			X	
92.	Kỹ năng chung về tư vấn pháp luật	X		X	X			X	
93.	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực hành chính	X	X		X			X	
94.	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực hình sự	X	X		X			X	
95.	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực dân sự	X		X	X			X	

Stt	Học phần	Đánh giá thường xuyên			Thi kết thúc học phần				
		Nhận thức và thái độ tham gia thảo luận	BT cá nhân	BT nhóm	BT học kỳ	Vấn đáp	Trắc nghiệm	Tự luận	Thực hành
96.	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình	X		X	X			X	
97.	Kỹ năng tư vấn trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ	X		X	X			X	
98.	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực thương mại	X	X		X			X	
99.	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực lao động	X		X	X			X	
100.	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực đất đai	X		X	X			X	
101.	Kỹ năng tư vấn pháp luật thuế, tài chính doanh nghiệp	X		X	X			X	
102.	Kỹ năng tham gia giải quyết các vụ án hành chính	X	X		X			X	
103.	Kỹ năng thực hành một số hoạt động trong tổ tụng hình sự	X	X		X			X	
104.	Kỹ năng tham gia giải quyết các vụ án dân sự	X		X	X			X	
105.	Kỹ năng soạn thảo văn bản hành chính thông dụng	X	X		X			X	
106.	Hệ thống hóa văn bản pháp luật	X		X	X			X	
107.	Đánh giá tác động chính sách trong xây dựng pháp luật	X		X	X			X	
108.	Legal Reasoning and Writing skills	X		X	X			X	
109.	Presentation Skills for Lawyer in Adversarial Context	X		X	X			X	
110.	Cases Studies and Analysis	X		X	X			X	
111.	Moot Court Competition in International Trade and Business Law	X		X	X			X	

11. GIỚI THIỆU CÁC HỌC PHẦN CỦA CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

1. *Triết học Mác - Lênin*

Học phần Triết học Mác –Lê nin là khoa học về những quy luật chung nhất của sự vận động và phát triển của tự nhiên, xã hội và tư duy. Học tập và nghiên cứu triết học Mác –Lê nin trang bị cho con người thế giới quan duy vật biện chứng (là toàn bộ những quan điểm, quan niệm chung nhất của con người về thế giới, về vị trí, vai trò của con người trong thế giới đó) và phương pháp luận khoa học, cách mạng. phương pháp luận có nghĩa là lý luận về hệ thống phương pháp, trong đó phương pháp nghiên cứu của các khoa học riêng biệt, trong đó có khoa học Luật chỉ là cụ thể hóa, sự vận dụng phương pháp biện chứng vào từng lĩnh vực cụ thể. Phương pháp luận triết học đó là hệ thống những quan điểm, những nguyên tắc xuất phát có vai trò chỉ đạo việc sử dụng các phương pháp trong nhận thức và hoạt động thực tiễn nhằm đạt kết quả tối ưu.

2. *Kinh tế chính trị Mác - Lênin*

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản của học thuyết Kinh tế chính trị của Chủ nghĩa Mác-Lênin về hàng hóa, sản xuất hàng hóa và sản xuất hàng hóa trong phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa; về những vấn đề kinh tế chính trị cơ bản của Việt Nam trong tiến trình xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, thông qua những nội dung: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của Kinh tế chính trị Mác-Lênin; hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường; giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; kinh tế thị trường định hướng XHCN và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế ở Việt Nam.

3. *Chủ nghĩa xã hội khoa học*

Học phần này trang bị hệ thống lý luận chính trị - xã hội của Chủ nghĩa Mác-Lênin về những quy luật và tính quy luật chính trị - xã hội của quá trình chuyển biến từ xã hội tư bản chủ nghĩa lên xã hội cộng sản chủ nghĩa mà giai đoạn đầu là chủ nghĩa xã hội; trực tiếp làm rõ mục tiêu cuối cùng và con đường giải phóng xã hội, giải phóng con người; đồng thời luận giải một cách khoa học về lực lượng chủ đạo của quá trình đó là giai cấp công nhân với sứ mệnh lịch sử là xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản trên phạm vi toàn thế giới.

4. *Tư tưởng Hồ Chí Minh*

Tư tưởng Hồ Chí Minh là học phần thuộc lĩnh vực khoa học chính trị, cung cấp cho người học những kiến thức cần thiết để thâm nhuần thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp cách mạng Hồ Chí Minh ở thời đại ngày nay, thông qua các nội dung cụ thể:

Thứ nhất, khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa của việc học tập tư tưởng Hồ Chí Minh.

Thứ hai, cơ sở hình thành và phát triển Tư tưởng Hồ Chí Minh.

Thứ ba, những giá trị, nội dung của hệ thống tư tưởng, quan điểm cơ bản trong tư tưởng Hồ Chí Minh và những quan điểm vận dụng của Đảng ta vào sự nghiệp đổi mới đất nước ở giai đoạn hiện nay.

5. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

Học phần Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về sự ra đời của Đảng (1920-1930), quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930-1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018). Qua đó khẳng định các thành công, nêu rõ các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

6. Nghề luật và phương pháp học luật

Học phần Nghề luật và phương pháp học luật giới thiệu cho sinh viên về tổng quan phương pháp học tập ở trường đại học, đặc biệt là phương pháp học tập theo hệ thống tín chỉ; cung cấp cho sinh viên một số phương pháp cần thiết cho việc học tập đạt hiệu quả tại Trường (tìm kiếm thông tin, làm việc nhóm, viết bài luận, thi kiểm tra, ...), giúp cho sinh viên tự tin, hứng thú học tập và đạt kết quả cao trong học tập. Sinh viên cũng được cung cấp các thông tin tổng quan về nghề luật, về các vị trí việc làm mà người học sau khi tốt nghiệp đại học luật có thể đảm nhận và bước đầu trang bị cho sinh viên các quy tắc đạo đức mà mỗi người hành nghề luật phải tuân thủ.

7. Tiếng Anh nâng cao

Học phần Tiếng Anh nâng cao là học phần bắt buộc được xây dựng cho sinh viên chính quy CTĐT CLC. Học phần Tiếng Anh nâng cao gồm 7 vấn đề. Mỗi nội dung bao gồm: ngữ pháp, từ vựng, ngữ âm và các nội dung thực hành 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết để đảm bảo chuẩn đầu ra theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam đã được quy định theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/1/2014 của Bộ GD-ĐT ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

8. Tiếng Anh nghe nói nâng cao

Tiếng Anh nghe nói nâng cao là học phần tiếp theo sau học phần Tiếng Anh nâng cao, được xây dựng cho sinh viên hệ chính quy CTĐT CLC. Học phần Tiếng Anh nghe nói nâng cao là học phần bắt buộc gồm 15 vấn đề. Mỗi nội dung bao gồm: ngữ pháp, từ vựng, ngữ âm và các nội dung thực hành để đảm bảo chuẩn đầu ra theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam đã được quy định theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/1/2014 của Bộ GD-ĐT ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

9. Tiếng Anh pháp lý cơ bản

Học phần Tiếng Anh pháp lý cơ bản là học phần tiếng Anh chuyên ngành luật được xây dựng cho sinh viên chính quy CTĐT CLC. Nội dung chính của học phần bao gồm 20 bài học về các chủ đề: Hệ thống pháp luật, Nguồn của luật (luật thành văn và án lệ), Hệ thống toà án, Tư pháp hình sự và Tố tụng hình sự, Tố tụng dân sự, Luật Liên minh Châu Âu, Luật sư tư vấn, Luật sư tranh tụng, Thẩm phán, Luật bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, Luật hợp đồng và một số kỹ năng nghề luật như kỹ năng thư chăm sóc khách hàng, kỹ năng thư tín, kỹ năng giải thích, kỹ năng phân tích. Mỗi bài học cung cấp cho sinh viên những thuật ngữ pháp lý quan trọng, đồng thời củng cố kiến thức ngữ pháp và tăng cường kỹ năng nghe hiểu và kỹ năng nói theo từng chủ đề. Bên cạnh đó, sinh viên được luyện tập kỹ năng làm việc nhóm thông qua các bài thuyết trình trên lớp, nghiên cứu các kiến thức chuyên ngành bằng Tiếng Anh qua những phần kiến thức tự học. Các kiến thức ngữ pháp cơ bản thường dùng trong các văn bản pháp luật được củng cố sau mỗi bài học thông qua các bài tập thực hành.

10. Tin học

Học phần Tin học bao gồm 6 module xây dựng theo chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT của Thông tư 03/2014/TT-BTTTT do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành ngày 11 tháng 3 năm 2014, cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản và nâng cao về công nghệ thông tin, giúp người học nắm được các kỹ thuật cơ bản và ứng dụng công nghệ thông tin vào thực tiễn để giải quyết các vấn đề trong công việc và đời sống.

Học phần yêu cầu người học nắm được cách thức sử dụng máy tính cơ bản như quản lý thư mục và tệp, sử dụng tiếng Việt đến một số phần mềm tiện ích. Rèn luyện thành thạo các kỹ năng xử lý văn bản cơ bản, sử dụng và thao tác với bảng tính, ô tính, trang tính cùng một số hàm tính cơ bản. Ngoài ra, còn rèn luyện các kỹ năng xây dựng bài báo cáo, thuyết trình bằng PowerPoint. Hơn thế, người học còn được hướng dẫn cách sử dụng internet cơ bản, cách tìm kiếm tài liệu trên web hay vào ứng dụng thư điện tử.

11. Phương pháp điều tra xã hội học

Học phần Phương pháp điều tra xã hội học là lĩnh vực khoa học trang bị cho người học kiến thức về quy trình tiến hành một cuộc điều tra xã hội học về các sự kiện, hiện tượng pháp luật; các kỹ năng thiết kế nghiên cứu, soạn thảo bảng câu hỏi, chọn mẫu nghiên cứu; các kỹ năng thu thập thông tin, xử lý thông tin định tính, định lượng và cách thức viết một báo cáo khoa học về điều tra xã hội học,... Trên cơ sở tri thức của học phần, người học có thể vận dụng để nghiên cứu thực nghiệm các sự kiện, hiện tượng pháp luật phục vụ cho khóa luận tốt nghiệp, luận văn, luận án, đề tài nghiên cứu khoa học các cấp. Đồng thời vận dụng kiến thức vào thực tiễn phục vụ cho hoạt động xây dựng pháp luật và thực hiện pháp luật một cách có hiệu quả.

12. Kinh tế vĩ mô

Học phần Kinh tế vĩ mô nghiên cứu tổng thể nền kinh tế thị trường có sự điều tiết của Nhà nước như tổng cung, tổng cầu, các yếu tố cầu thành tổng cầu, mối quan hệ giữa tổng cung - tổng cầu và sự tác động điều tiết của Nhà nước nhằm thực hiện các mục tiêu

kinh tế vĩ mô như tạo công ăn việc làm; giảm lạm phát, thất nghiệp, khủng hoảng; giữ ổn định giá trị đồng tiền, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, ... đồng thời phân tích các công cụ và cơ chế tác động của các chính sách đó trong nền kinh tế thị trường.

13. Quan hệ kinh tế quốc tế

Học phần Quan hệ kinh tế quốc tế được tiếp cận dưới góc độ là học phần “liên ngành” (bao gồm kinh tế học, kinh tế quốc tế, quan hệ quốc tế, khoa học chính trị, pháp luật thương mại quốc tế...) cung cấp những kiến thức đại cương và nền tảng để giúp sinh viên có thể tiếp cận tốt những học phần thuộc khối kiến thức chuyên nghiệp của ngành Luật thương mại quốc tế, Luật quốc tế.... Học phần còn giúp cho sinh viên nâng cao kỹ năng phân tích, đánh giá để tìm hiểu những diễn biến kinh tế trên thế giới cũng như công cuộc hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng của Việt Nam.

14. Lịch sử văn minh thế giới

Lịch sử văn minh thế giới là học phần đại cương cung cấp những kiến thức cơ bản, hệ thống về quá trình hình thành, phát triển, kế thừa, phát huy và những đóng góp, ảnh hưởng của các nền văn minh tiêu biểu trong lịch sử nhân loại.

15. Đại cương văn hóa Việt Nam

Học phần Đại cương văn hoá Việt Nam là một nghiên cứu ứng dụng của Văn hóa học vào nghiên cứu Văn hóa Việt Nam. Vì vậy, học phần này không giới thiệu tất cả các yếu tố cấu thành văn hóa Việt Nam, mà chỉ giới thiệu các yếu tố tạo thành bản sắc văn hóa Việt Nam, tức là các yếu tố phân biệt văn hóa của cộng đồng người sống trên lãnh thổ nước CHXHCN Việt Nam với tất cả các cộng đồng văn hóa khác trên thế giới. Từ đó, thấy được những giá trị và hạn chế của văn hóa Việt Nam trong bối cảnh hội nhập với văn hóa toàn cầu.

16. Tâm lý đại cương

Tâm lý học đại cương là học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các tiến trình tinh thần và hành vi của con người, bao gồm: lĩnh vực vô thức, lĩnh vực ý thức, các quá trình nhận thức, cảm xúc, chú ý, hành động, ý chí và nhân cách; giúp sinh viên hình thành kỹ năng phân tích tâm lí và hành vi, các kỹ năng tư duy, kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng kiểm soát cảm xúc, ... là tiền đề để sinh viên thành công trong cuộc sống cũng như trong quá trình hành nghề sau này.

17. Logic học

Logic học - phần logic hình thức (trong chương trình chỉ nghiên cứu phần này) là môn khoa học nghiên cứu về các hình thức và quy luật của tư duy nhằm nhận thức đúng đắn thế giới hiện thực khách quan. Học phần này làm rõ bản chất của khái niệm tư duy và tư duy logic; đối tượng, phương pháp nghiên cứu, khái lược lịch sử và ý nghĩa của việc nghiên cứu logic học; cung cấp những kiến thức cơ bản nhất về đặc điểm, kết cấu logic của các hình thức tư duy như: Khái niệm, phán đoán, suy luận; phân tích và chứng minh các thao tác, các quy tắc logic; làm rõ nội dung, cơ sở khách quan, yêu cầu và ý

nghĩa của quy luật tư duy logic; làm rõ về bản chất và vai trò của giả thuyết, chứng minh, bác bỏ. Ngoài ra, trong mỗi vấn đề, khi học xong phần lí thuyết đều có sự vận dụng những kiến thức logic vào cuộc sống, nhất là vận dụng trong lĩnh vực hoạt động pháp luật.

18. Xã hội học pháp luật

Học phần cung cấp, trang bị cho sinh viên luật cách tiếp cận mới - tiếp cận xã hội học đối với các sự kiện, hiện tượng pháp luật xảy ra trong xã hội thông qua việc áp dụng các phương pháp điều tra xã hội học để thu thập, xử lí và phân tích các thông tin thực nghiệm làm sáng tỏ nguồn gốc, nguyên nhân, bản chất của chúng. Học phần giới thiệu các trào lưu nghiên cứu pháp luật trên thế giới để giúp sinh viên có cái nhìn đối sánh với luật học trong nước; làm rõ mối quan hệ giữa pháp luật với các loại chuẩn mực xã hội khác; phân tích, làm nổi bật các khía cạnh xã hội của hoạt động xây dựng, thực hiện và áp dụng pháp luật trong thực tế.

19. Kinh tế học pháp luật

Kinh tế học pháp luật là một học phần pháp lý chuyên ngành, cung cấp những kiến thức cơ bản về cách sử dụng các khái niệm và lý thuyết kinh tế để tìm hiểu, phân tích, giải thích và vận dụng các quy định pháp luật. Học phần tập trung giải quyết việc phân tích khía cạnh kinh tế của một số lĩnh vực thuộc luật tư: Luật hợp đồng, Luật sở hữu, Luật doanh nghiệp.

20. Tiếng Anh pháp lý nâng cao

Học phần Tiếng Anh pháp lý nâng cao được thiết kế dành cho sinh viên CTĐT CLC. Học phần này bao gồm các bài học về một số lĩnh vực pháp luật khác nhau như sở hữu trí tuệ, lao động, thương mại quốc tế, công pháp quốc tế,... Mỗi bài học cung cấp cho sinh viên những thuật ngữ pháp lý về các lĩnh vực nêu trên, tăng cường các kỹ năng đọc hiểu, nghe hiểu, nói và viết của Tiếng Anh pháp lý ở trình độ nâng cao.

21. Lý luận Nhà nước và pháp luật

Lí luận chung về Nhà nước và pháp luật là học phần cơ sở, cung cấp những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật nhằm hình thành tư duy và phương pháp nhận thức khoa học đúng đắn về tất cả những vấn đề của nhà nước và pháp luật. Nội dung chủ yếu của học phần này gồm các vấn đề: nguồn gốc, bản chất, chức năng, bộ máy, hình thức của nhà nước; nhà nước trong hệ thống chính trị; nhà nước pháp quyền; nguồn gốc, bản chất, vai trò, hình thức, nguồn của pháp luật; quy phạm pháp luật; hệ thống pháp luật; quan hệ pháp luật; thực hiện pháp luật; vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí; ý thức pháp luật.

22. Lịch sử nhà nước và pháp luật

Lịch sử nhà nước và pháp luật là môn khoa học pháp lí cơ sở cung cấp những kiến thức cơ bản về quá trình hình thành, phát triển và thay thế của các kiểu nhà nước và pháp luật trên thế giới qua các thời kì lịch sử. Qua đó, khái quát những đặc điểm về nhà

nước và pháp luật của các quốc gia điển hình ở phương Đông và phương Tây trong tiến trình lịch sử.

23. Luật hiến pháp Việt Nam

Học phần Luật hiến pháp Việt Nam cung cấp những kiến thức cơ bản nhất của khoa học luật hiến pháp Việt Nam bao gồm các nội dung về quyền con người, quyền cơ bản của công dân (các quyền cơ bản hiến định), tổ chức thực hiện quyền lực nhà nước ở Việt Nam, tổ chức, hoạt động và giới hạn quyền lực của các cơ quan nhà nước ở trung ương và địa phương của Việt Nam.

24. Xây dựng văn bản pháp luật

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về văn bản pháp luật và xây dựng văn bản pháp luật đặc biệt là kỹ năng soạn thảo văn bản pháp luật. Học phần được chia thành hai phần: Phần lí thuyết, tập trung giới thiệu những vấn đề xây dựng văn bản pháp luật theo từng loại văn bản; phần thực hành, trên cơ sở lí thuyết, học phần giúp sinh viên vận dụng giải quyết bài tập tình huống cụ thể để soạn thảo VBPL.

25. Luật hành chính Việt Nam

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về ngành luật hành chính; quản lí hành chính nhà nước; vi phạm hành chính, xử lí vi phạm hành chính và các biện pháp kiểm tra, giám sát đối với hoạt động quản lí hành chính nhà nước. Luật hành chính Việt Nam còn cung cấp những kiến thức nền tảng cho việc nghiên cứu các khoa học pháp lí chuyên ngành khác như: Thanh tra và giải quyết khiếu nại, tố cáo; luật tổ tụng hành chính; xây dựng văn bản pháp luật; luật đất đai; luật tài chính; luật lao động; luật môi trường; luật hôn nhân và gia đình.

26. Luật hình sự 1

Luật hình sự phần chung là học phần chuyên ngành luật quan trọng, được thiết kế dành cho sinh viên; cung cấp lí luận cơ bản về tội phạm, TNHS và hình phạt là cơ sở khoa học để giải quyết các vụ án hình sự trong thực tiễn.

27. Luật hình sự 2

Luật hình sự phần các tội phạm là môn khoa học chuyên ngành cung cấp lí luận cơ bản về tội phạm, trách nhiệm hình sự và hình phạt của từng tội cụ thể; là cơ sở khoa học để giải quyết các vụ án hình sự trong thực tiễn.

28. Luật tố tụng hình sự

Học phần Luật TTHS là môn khoa học pháp lí cung cấp những kiến thức lí luận và thực tiễn về TTHS và khả năng áp dụng trong thực tế. Học phần này gồm hai nội dung cơ bản: Những vấn đề lí luận chung về TTHS và những giai đoạn tố tụng cụ thể trong trình tự tố tụng giải quyết vụ án hình sự.

Học phần luật TTHS nghiên cứu các quy định của pháp luật và những quan điểm khoa học về tố tụng hình sự, về trình tự, thủ tục khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử và một

số quy định về thi hành án, quyết định của Tòa án chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ giữa các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng; nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của những người có thẩm quyền tiến hành tố tụng; quyền và nghĩa vụ của những người tham gia tố tụng, của các cơ quan, tổ chức và cá nhân trong tố tụng hình sự; hợp tác quốc tế trong tố tụng hình sự.

29. Tội phạm học

Học phần Tội phạm học là ngành khoa học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tình hình tội phạm, nguyên nhân của tội phạm, dự báo tội phạm, phòng ngừa tội phạm, kiểm soát tội phạm và một số nội dung liên quan khác thông qua việc nghiên cứu 5 vấn đề cơ bản: (1) Khái niệm, đối tượng và phương pháp nghiên cứu của tội phạm học; (2) Lịch sử ra đời và phát triển của tội phạm học; (3) Tình hình tội phạm; (4) Nguyên nhân của tội phạm; (5) Dự báo tội phạm và phòng ngừa tội phạm.

30. Luật dân sự 1

Luật dân sự 1 là học phần giới thiệu cho sinh viên các vấn đề chung của Luật dân sự gồm: Hệ thống các khái niệm về đối tượng và phương pháp điều chỉnh của Luật dân sự, về đặc điểm, nguyên tắc của quan hệ pháp Luật dân sự; về chủ thể, khách thể, về các căn cứ phát sinh, về nội dung của các quan hệ tài sản và nhân thân; về thay đổi, chấm dứt các quan hệ pháp luật dân sự cụ thể thuộc đối tượng điều chỉnh của Luật dân sự. Nghiên cứu khái quát về phần các quy định chung trong Bộ luật Dân sự như tài sản, giao dịch dân sự, thời hạn, thời hiệu, đại diện; nghiên cứu về căn cứ xác lập, thực hiện và chấm dứt quyền sở hữu, quyền khác đối với tài sản; về các vấn đề pháp lý phát sinh khi chủ sở hữu tài sản là cá nhân chết,...

31. Luật dân sự 2

Luật dân sự 2 là học phần trang bị một cách khái quát các kiến thức pháp lý về quan hệ nghĩa vụ, bao gồm: Những vấn đề chung về quan hệ nghĩa vụ như các loại nghĩa vụ, xác lập nghĩa vụ, thực hiện và bảo đảm thực hiện nghĩa vụ, chấm dứt nghĩa vụ và trách nhiệm dân sự; khái quát về các quan hệ nghĩa vụ theo thoả thuận; khái quát về các quan hệ nghĩa vụ ngoài thoả thuận. Những kiến thức được trang bị trong học phần này là những kiến thức khái quát, cơ bản. Sau khi hoàn thành học phần này, người học có thể nghiên cứu kiến thức chuyên sâu ở một số học phần tự chọn như: Pháp luật hợp đồng chuyên sâu, Pháp luật về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ, Pháp luật về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng chuyên sâu.

32. Luật sở hữu trí tuệ

Luật sở hữu trí tuệ bảo vệ các quyền tài sản và quyền nhân thân của các cá nhân, tổ chức liên quan đến tài sản trí tuệ - loại tài sản đặc biệt phát sinh từ hoạt động sáng tạo trong các lĩnh vực văn hoá, nghệ thuật, khoa học, sản xuất, kinh doanh. Học phần trang bị cho sinh viên chuyên ngành luật những kiến thức lí luận nền tảng về việc bảo hộ quyền SHTT đồng thời tạo cơ sở cho sinh viên hình thành và phát triển các kĩ năng áp dụng pháp luật sở hữu trí tuệ để giải quyết các vấn đề thực tiễn.

33. Luật hôn nhân và gia đình

Luật hôn nhân và gia đình là học phần bắt buộc đối với Chương trình đào tạo chất lượng cao ngành Luật. Đây là một môn khoa học có tính ứng dụng cao và gắn với cuộc sống của mỗi cá nhân trong cộng đồng. Học phần gồm mười hai vấn đề với hai phần chính.

Phần lí luận giới thiệu các hình thái hôn nhân và gia đình trong lịch sử; các khái niệm cơ bản như khái niệm hôn nhân, khái niệm gia đình, khái niệm luật hôn nhân và gia đình, quan hệ pháp luật hôn nhân và gia đình; các nguyên tắc cơ bản của luật hôn nhân và gia đình Việt Nam.

Phần các chế định pháp lí cụ thể nghiên cứu những quy định của pháp luật hiện hành về kết hôn; nghĩa vụ và quyền của vợ chồng; quan hệ pháp luật giữa cha mẹ và con; cấp dưỡng giữa các thành viên trong gia đình; li hôn; giám hộ giữa các thành viên trong gia đình và quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài.

34. Luật tố tụng dân sự

Luật tố tụng dân sự là học phần cơ bản của chương trình đào tạo cử nhân luật, cung cấp cho người học những kiến thức pháp lí về trình tự, thủ tục giải quyết vụ việc dân sự, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, cơ quan và tổ chức tại toà án. Nội dung nghiên cứu của học phần là những vấn đề lí luận về luật tố tụng dân sự, các quy định của pháp luật tố tụng dân sự và thực tiễn thực hiện chúng tại các cơ quan tư pháp, bao gồm: Khái niệm và các nguyên tắc cơ bản của luật tố tụng dân sự; thẩm quyền dân sự của toà án nhân dân; nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; quyền, nghĩa vụ của người tham gia tố tụng; chứng minh và chứng cứ trong tố tụng dân sự; biện pháp khẩn cấp tạm thời; cấp, tổng đạt và thông báo các văn bản tố tụng; trình tự, thủ tục giải quyết vụ việc dân sự tại toà án cấp sơ thẩm, phúc thẩm và thủ tục xét lại bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của toà án.

35. Luật thương mại 1

Học phần Luật thương mại 1 là học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về thương nhân và hành vi thương mại. Học phần Luật thương mại 1 sẽ cung cấp cho người học kiến thức về: Thương nhân và hoạt động thương mại; hiểu về bản chất pháp lí của doanh nghiệp tư nhân và hộ kinh doanh; bản chất pháp lí của công ty hợp danh; bản chất pháp lí của công ty cổ phần; bản chất pháp lí của công ty trách nhiệm hữu hạn; thành lập doanh nghiệp và quy chế pháp lí về thành viên của doanh nghiệp; quy chế pháp lí về tổ chức quản lí doanh nghiệp; tổ chức lại, giải thể doanh nghiệp; một số vấn đề pháp lí đặc thù về doanh nghiệp nhà nước; một số vấn đề pháp lí về nhóm công ty; quy chế pháp lí về hợp tác xã; khái quát về phá sản và pháp luật về phá sản; cho đến các thủ tục phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã.

36. Luật thương mại 2

Luật thương mại 2 là học phần tiếp nối Luật thương mại 1 cung cấp cho người học hệ thống kiến thức về hành vi thương mại và giải quyết tranh chấp thương mại, đặc biệt

là giải quyết tranh chấp thương mại ngoài Tòa án. Theo đó, người học sẽ có kiến thức nền tảng và tư duy về pháp luật về mua bán hàng hoá; pháp luật về dịch vụ trung gian thương mại; pháp luật về dịch vụ xúc tiến thương mại; pháp luật về dịch vụ logistics và nhượng quyền thương mại; pháp luật về đấu giá hàng hoá và đấu thầu hàng hóa, dịch vụ; chế tài thương mại; những vấn đề chung về giải quyết tranh chấp thương mại.

37. Luật lao động

Học phần nghiên cứu các vấn đề lí luận và thực tiễn xây dựng, ban hành, thực thi các định chế về quan hệ lao động và các vấn đề thuộc lĩnh vực lao động-xã hội. Bên cạnh các vấn đề lí luận chung, các nội dung pháp luật được nghiên cứu chủ yếu bao gồm: Cơ chế ba bên, quản lí nhà nước về lao động, việc làm, học nghề, quyền công đoàn và vấn đề đại diện lao động, quan hệ HĐLĐ.... Song song với việc nghiên cứu các vấn đề pháp lí của Việt Nam, học phần luật lao động còn nghiên cứu các vấn đề lao động quốc tế (trong khuôn khổ các quy tắc pháp lí lao động của Tổ chức lao động quốc tế - ILO) và của khu vực.

38. Luật tài chính

Học phần Luật tài chính cung cấp những kiến thức cơ bản về pháp luật về tài chính công như pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật về thuế. Qua học phần này, người học sẽ được trang bị những kiến thức nền tảng về chính sách tài chính công cũng như nội dung pháp luật hiện hành điều chỉnh hoạt động tài chính công của Việt Nam. Học phần được thiết kế thành 2 phần với 13 nội dung cụ thể, bao gồm: Pháp luật về NSNN (gồm 5 nội dung) và Pháp luật về thuế (gồm 8 nội dung).

39. Luật đất đai

Học phần Luật đất đai cung cấp những kiến thức cơ bản về chế độ sở hữu, chế độ quản lí đất đai ở Việt Nam. Luật đất đai cũng thể hiện dưới góc độ lí luận và thực tiễn về địa vị pháp lý của người sử dụng đất, về quản lí và sử dụng các loại đất, trình tự và thủ tục trong quản lí, sử dụng đất đai. Bên cạnh đó, học phần còn mang đến cho sinh viên hệ thống kiến thức về thanh tra, giám sát; xử lý các vi phạm pháp luật đất đai; giải quyết các tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai.

40. Public International Law (Công pháp quốc tế)

Học phần này cung cấp cho sinh viên cái nhìn tổng quan về luật quốc tế công và một số luật chuyên ngành cụ thể có liên quan. Công pháp quốc tế bao gồm các quy tắc và nguyên tắc xử lý quan hệ giữa các quốc gia cũng như các chủ thể khác của luật quốc tế. Sinh viên sẽ được nghiên cứu cách thức mà các quốc gia thực hiện các quan hệ quốc tế, đối phó với cách hành vi vi phạm pháp luật quốc tế và giải quyết tranh chấp.

41. Tư pháp quốc tế

Học phần Tư pháp quốc tế (Xung đột pháp luật) nghiên cứu về quan hệ dân sự (theo nghĩa rộng) có yếu tố nước ngoài. Học phần này tập trung vào ba vấn đề chính, bao gồm thẩm quyền tài phán của quốc gia, lựa chọn luật áp dụng và công nhận và thực thi các

bản án, phán quyết của nước ngoài. Trong suốt học phần, ba vấn đề chính này sẽ được nghiên cứu cụ thể, thông qua các chủ đề như luật hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài, hợp đồng có yếu tố nước ngoài hoặc luật tố tụng dân sự quốc tế.

42. ASEAN Community Law (Pháp luật Cộng đồng ASEAN)

Học phần cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản và các kiến thức pháp lý chuyên ngành về ASEAN, Cộng đồng ASEAN và pháp luật Cộng đồng ASEAN. Học phần không chỉ cung cấp cho sinh viên những kiến thức lý luận cơ bản về pháp luật Cộng đồng ASEAN mà còn trang bị cho người học những kiến thức pháp lý cụ thể và quan trọng về: hợp tác phòng chống tội phạm xuyên quốc gia; Khu vực thương mại tự do ASEAN, Khu vực đầu tư ASEAN, tự do hoá thương mại dịch vụ, tự do di chuyển lao động lành nghề, hợp tác ngoại khối; cơ chế giải quyết tranh chấp; thực tiễn thực hiện nghĩa vụ thành viên của Việt Nam, vai trò của ASEAN trong phát triển kinh tế-xã hội, đảm bảo chủ quyền quốc gia và chủ trương, định hướng hội nhập ASEAN của Việt Nam.

43. Comparative Law (Luật học so sánh)

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức nền tảng về các hệ thống pháp luật lớn trên thế giới (dân luật và thông luật) bằng phương pháp so sánh. Học phần này gồm hai phần chính: Phần chung (tóm tắt luật so sánh) và Phần chi tiết (các hệ thống pháp luật chính trên thế giới và các yếu tố cơ bản quan trọng của các hệ thống pháp luật đó).

44. International Trade & Business Law (Luật thương mại quốc tế)

Học phần này sẽ cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các khía cạnh và lĩnh vực khác nhau của luật thương mại quốc tế, bao gồm: Nguồn của Luật thương mại quốc tế; Luật WTO, luật quốc tế về thương mại hàng hóa và dịch vụ; Luật thương mại quốc tế, kinh doanh quốc tế, thanh toán quốc tế và giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế.

45. Tổ chức và hoạt động của tòa án nhân dân, viện kiểm sát nhân dân

Học phần này cung cấp kiến thức về tổ chức và hoạt động của tòa án nhân dân, viện kiểm sát nhân dân, quy chế thẩm phán, hội thẩm nhân dân và kiểm sát viên theo pháp luật hiện hành; lịch sử hình thành và phát triển của hệ thống tòa án nhân dân, viện kiểm sát nhân dân ở Việt Nam và phương hướng đổi mới tổ chức và hoạt động của tòa án nhân dân, viện kiểm sát nhân dân trong quá trình cải cách tư pháp ở Việt Nam hiện nay.

46. Comparative constitution law (Luật hiến pháp so sánh)

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về các ngành luật hiến pháp điển hình trên thế giới. Cụ thể, học phần truyền đạt tới sinh viên những nội dung như: Các vấn đề lý luận cơ bản về ngành luật hiến pháp và hiến pháp ở các nước trên thế giới, các hình thức chính thể và bộ máy nhà nước điển hình trên thế giới, chế định quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, chế độ bầu cử, tổ chức và hoạt động của cơ quan lập pháp, hành pháp, tư pháp và cơ chế bảo hiến ở các hệ thống hiến pháp điển hình trên thế giới.

47. Luật tố tụng hành chính

Luật tố tụng hành chính Việt Nam là môn khoa học pháp lý chuyên ngành, cung cấp những kiến thức cơ bản về tài phán hành chính; ngành luật tố tụng hành chính; quyền và nghĩa vụ pháp lý tố tụng hành chính của các cơ quan, tổ chức, cá nhân; thẩm quyền, thủ tục giải quyết các vụ án hành chính và thi hành án hành chính.

48. Luật sư, công chứng, chứng thực

Luật sư, công chứng, chứng thực là học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về tổ chức, hoạt động công chứng, chứng thực và luật sư ở Việt Nam theo quy định của pháp luật. Những kiến thức này cần thiết cho việc xây dựng, tổ chức thực hiện và hoàn thiện pháp luật trong tổ chức và hoạt động công chứng, chứng thực và luật sư, thông qua đó đáp ứng các yêu cầu thiết yếu của cá nhân, tổ chức trong việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ trong lĩnh vực công chứng, chứng thực, luật sư và các vấn đề có liên quan.

49. Thanh tra, khiếu tố

Học phần này cung cấp những kiến thức về cơ cấu tổ chức và hoạt động của bộ máy cơ quan thanh tra, về khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo trong quản lý hành chính nhà nước. Những kiến thức này cần thiết cho việc xây dựng, tổ chức thực hiện và hoàn thiện pháp luật trong quản lý hành chính nhà nước nói chung, trong lĩnh vực thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo nói riêng; bảo đảm các quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức trong quản lý hành chính nhà nước.

50. Fundamental Civil Rights in the Modern World (Quyền dân sự cơ bản của người dân trong thế giới hiện đại)

Học phần tập trung nghiên cứu quyền bình đẳng và quyền tiếp cận công lý - hai quyền công dân quan trọng nhất, ở bốn quốc gia, Hoa Kỳ, Úc, Pháp và Nhật Bản, từ góc độ so sánh.

51. International Criminal Law (Luật hình sự quốc tế)

Học phần Luật hình sự quốc tế cung cấp một cách khái quát những khía cạnh lý luận về luật hình sự quốc tế, thiết chế tòa án hình sự quốc tế và các tội phạm quốc tế. Học phần sẽ là sự kết hợp giữa một nền tảng về lý luận cơ bản với một vài khía cạnh chuyên sâu về kinh nghiệm thực tiễn trong việc áp dụng luật hình sự quốc tế.

Trong mối quan hệ với các học phần về Luật hình sự Việt Nam và Luật tố tụng hình sự Việt Nam, học phần này sẽ là sự bổ sung cần thiết và căn bản cho việc hiểu những vấn đề pháp lý hình sự từ cả hai góc độ luật quốc gia và luật quốc tế, làm cơ sở cho sự đánh giá tính tương thích của luật hình sự quốc gia so với các chuẩn mực pháp lý hình sự quốc tế.

52. Khoa học điều tra tội phạm

Học phần này cung cấp những kiến thức lí luận cơ bản về cách thức tổ chức, tiến hành hoạt động điều tra hình sự nói chung và các biện pháp điều tra hình sự nói riêng nhằm phục vụ công tác điều tra tội phạm một cách có hiệu quả.

Tương ứng với bốn bộ phận cấu thành, khoa học điều tra tội phạm nghiên cứu, làm rõ bốn nội dung chính: Những quan điểm lí luận chung của khoa học điều tra tội phạm, kĩ thuật hình sự, chiến thuật hình sự và phương pháp điều tra riêng đối với từng loại tội phạm cụ thể. Học phần được thiết kế dành riêng cho sinh viên yêu thích và có định hướng nghề nghiệp đối với chuyên ngành tư pháp hình sự, sau khi sinh viên đã hoàn thành các học phần tiên quyết.

53. Thủ tục đặc biệt trong tố tụng hình sự

Thủ tục đặc biệt trong tố tụng hình sự là môn khoa học pháp lí nghiên cứu quy định của pháp luật tố tụng hình sự và quan điểm khoa học về thủ tục tố tụng áp dụng đối với người dưới 18 tuổi; thủ tục truy cứu trách nhiệm hình sự pháp nhân; thủ tục áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh, thủ tục rút gọn; khiếu nại, tố cáo trong tố tụng hình sự; bảo vệ người tố giác tội phạm, người làm chứng, bị hại và người tham gia tố tụng khác.

54. Tâm lý học tư pháp

Tâm lí học tư pháp là một khoa học tâm lí ứng dụng, trang bị cho sinh viên luật những kiến thức cơ bản về tâm lí và hành vi của các chủ thể khác nhau trong quá trình giải quyết vụ án hình sự, giúp họ có thể giải quyết hiệu quả nhiệm vụ đặt ra trong quá trình hành nghề luật sau này.

55. Tâm lý học tội phạm

Học phần Tâm lí học tội phạm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về tâm lí và hành vi của người phạm tội, nhóm phạm tội, nhân cách người phạm tội và khía cạnh tâm lí trong phòng ngừa tội phạm. Trên cơ sở đó, người học có thể phân tích, lí giải hành vi phạm tội, xác định biện pháp ứng phó với tội phạm và giải quyết những vấn đề liên quan đến tội phạm, người phạm tội trong hoạt động nghề nghiệp sau này.

56. Pháp luật về phòng chống tham nhũng

Tham nhũng ngày nay không còn là vấn đề riêng của mỗi quốc gia mà đã trở thành vấn đề toàn cầu. Đấu tranh phòng chống tham nhũng bằng biện pháp pháp luật là vô cùng cần thiết. Học phần này sẽ cung cấp cho người học những kiến thức, kĩ năng cần thiết về phòng, chống tham nhũng.

57. Luật thi hành án hình sự

Học phần Luật thi hành án hình sự cung cấp cho sinh viên kiến thức về pháp luật và cơ chế thực thi pháp luật Việt Nam về thi hành án hình sự. Học phần gắn kết sinh viên vào việc đánh giá có hệ thống về những vấn đề lí luận cơ bản có liên quan đến thi hành án hình sự. Đồng thời học phần này cũng giúp cho sinh viên có những hiểu biết về quy định pháp luật liên quan đến cơ quan thi hành án, cơ quan quản lý thi hành án, trình tự,

thủ tục thi hành án tử hình, thi hành án phạt tù, chế độ quản lý phạm nhân, những quy định về thi hành các loại hình phạt khác và biện pháp tư pháp.

58. Tư pháp đối với người chưa thành niên

Học phần Tư pháp đối với người chưa thành niên cung cấp cho sinh viên kiến thức về pháp luật và cơ chế thực thi pháp luật Việt Nam về người chưa thành niên, với sự tham chiếu khung pháp lý quốc tế quan trọng. Học phần gắn kết sinh viên vào việc đánh giá có hệ thống về các nguyên tắc của tư pháp đối với người chưa thành niên và về cách các nguyên tắc đó được áp dụng trong tất cả các hoạt động liên quan đến người chưa thành niên, dù được thực hiện bởi tòa án, cơ quan hành chính hay các cơ quan khác. Học phần đồng thời giới thiệu cho sinh viên các khía cạnh cơ bản của sự phát triển của trẻ em, bao gồm cả hiểu biết về ảnh hưởng của sự lạm dụng, sự bỏ bê và những trải nghiệm bất lợi khác tới sự phát triển của trẻ em, cũng như sự cần thiết của những can thiệp nhạy cảm (thân thiện) với trẻ em.

59. Law on Security Devices (Pháp luật về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ)

Các biện pháp bảo đảm được xác lập nhằm mục đích bảo đảm cho việc thực hiện nghĩa vụ của các chủ thể quan hệ pháp luật dân sự. Xét trong mối quan hệ với nghĩa vụ được bảo đảm thì biện pháp bảo đảm có mối quan hệ vừa phụ thuộc, vừa độc lập. Pháp luật hiện hành của Việt Nam đã quy định chung về các biện pháp bảo đảm, đồng thời quy định chi tiết các biện pháp: Cầm cố, thế chấp, bảo lãnh, đặt cọc, ký quỹ, ký cược, tín chấp, bảo lưu quyền sở hữu, cầm giữ tài sản là các biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự.

Học phần Pháp luật về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ bao gồm các nội dung: Khái quát chung về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ; tài sản bảo đảm; xác lập, thực hiện, chấm dứt giao dịch bảo đảm; hiệu lực của giao dịch bảo đảm, hiệu lực đối kháng với người thứ ba; xử lý tài sản bảo đảm.

60. Pháp luật về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng chuyên sâu

Trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng là một nội dung quan trọng trong hệ thống pháp luật tư tại Việt Nam. Việc nghiên cứu giúp người học củng cố kiến thức lý luận, quy định của pháp luật và thực tiễn thực hiện, áp dụng về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.

Học phần Pháp luật về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng chuyên sâu là học phần nghiên cứu chuyên sâu về các vấn đề có liên quan như quy định chung về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, trách nhiệm bồi thường thiệt hại do con người gây ra, trách nhiệm bồi thường thiệt hại do tài sản gây ra, trách nhiệm bồi thường thiệt hại của Nhà nước.

61. Luật La Mã

Tư pháp La Mã đã từ lâu được coi là hiện tượng đặc biệt trong lịch sử pháp luật thế giới. Tư pháp La mã được coi là hình mẫu đáng học tập của thế giới về một hệ thống

luật tư với những nguyên tắc thể hiện bản chất riêng điều chỉnh mối quan hệ giữa các cá nhân trong xã hội.

Học phần Luật La mã cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về tài sản, vật quyền, trái quyền, thừa kế, hôn nhân, gia đình, tố tụng. Các kiến thức này là cơ sở lý luận cho hệ thống pháp luật dân sự hiện hành của nhiều quốc gia, trong đó có Việt Nam. Sinh viên sẽ được cung cấp các kiến thức lý luận tư pháp nền tảng để hiểu rõ hơn về pháp luật dân sự Việt Nam hiện hành.

62. Thủ tục đặc biệt trong tố tụng dân sự

Học phần được thiết kế nhằm giúp người học có được các kiến thức chuyên sâu về thủ tục giải quyết việc dân sự và khả năng ứng dụng các kiến thức này trong nghiên cứu cũng như thực tiễn áp dụng tại các toà án. Học phần sẽ trang bị cho người học một số kiến thức cơ bản như: Những vấn đề chung về thủ tục giải quyết việc dân sự; thủ tục giải quyết yêu cầu xác định năng lực hành vi dân sự của cá nhân, yêu cầu thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú, tuyên bố một người mất tích hoặc đã chết; thủ tục giải quyết các yêu cầu về hôn nhân và gia đình; thủ tục công nhận và cho thi hành tại Việt Nam bản án, quyết định dân sự của toà án nước ngoài và quyết định của trọng tài nước ngoài; thủ tục giải quyết việc về kinh doanh thương mại; ...

63. Luật thi hành án dân sự

Học phần Luật thi hành án dân sự cung cấp cho người học những kiến thức pháp lý cơ bản về trình tự, thủ tục thi hành các bản án, quyết định dân sự của toà án và các bản án, quyết định khác theo quy định của pháp luật. Đối tượng nghiên cứu của học phần là những vấn đề lý luận về Luật thi hành án dân sự, nội dung các quy định của pháp luật thi hành án dân sự và thực tiễn thực hiện chúng tại các cơ quan thi hành án.

64. Luật nhà ở

Luật nhà ở là bộ phận quan trọng trong hệ thống pháp luật dân sự nói riêng và hệ thống pháp luật Việt Nam nói chung. Luật nhà ở quy định địa vị pháp lý, chuẩn mực pháp lý cho cách ứng xử của cá nhân, pháp nhân, chủ thể khác trong lĩnh vực nhà ở; quyền và nghĩa vụ của các chủ thể trong việc tạo lập, sử dụng, quản lý cũng như chuyển nhượng nhà ở (gọi chung là các quan hệ pháp luật về nhà ở). Luật nhà ở có nhiệm vụ bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức, lợi ích của Nhà nước, lợi ích công cộng; bảo đảm sự bình đẳng và an toàn pháp lý trong quan hệ pháp luật về nhà ở, góp phần tạo điều kiện đáp ứng nhu cầu vật chất và tinh thần của nhân dân, thúc đẩy sự phát triển kinh tế-xã hội.

Học phần Luật nhà ở cung cấp cho người học những kiến thức chuyên sâu về lý luận, về thực trạng pháp luật cũng như thực tiễn thực hiện pháp luật. Học phần này cũng cung cấp cho người học những kỹ năng cần thiết trong việc phân tích, đánh giá cũng như vận dụng các quy định pháp luật vào việc giải quyết mối quan hệ giữa các bên liên quan đến nhà ở. Ngoài ra, học phần còn giúp cho người học có được thái độ ứng xử chuẩn mực trong các quan hệ pháp luật về nhà ở và thái độ tôn trọng pháp luật, tôn trọng quyền của các chủ thể có liên quan trong quan hệ pháp luật về nhà ở.

65. Comparative Contract Law (Luật hợp đồng so sánh)

Học phần Luật hợp đồng so sánh trang bị cho sinh viên những kiến thức nền tảng về luật hợp đồng của các quốc gia khác nhau xuất phát từ hai truyền thống pháp luật lớn trên thế giới (Dân luật và Thông luật) sử dụng phương pháp so sánh.

66. Pháp luật hợp đồng chuyên sâu

Học phần Pháp luật hợp đồng chuyên sâu giúp định hướng kiến thức lý luận về hợp đồng, các quy định chung của pháp luật về hợp đồng từ bản chất, giao kết, thực hiện, chấm dứt các loại hợp đồng..., nghiên cứu nội dung các loại hợp đồng thông dụng, các hợp đồng thuộc lĩnh vực đặc thù như đất đai, nhà ở, sở hữu trí tuệ, thương mại, kinh doanh, lao động, xây dựng... Việc nghiên cứu pháp luật chuyên sâu các loại hợp đồng giúp người học có: (i) Kiến thức căn bản để hiểu, thực hiện hoặc áp dụng chung cho việc xác định hầu hết các loại hợp đồng trong xã hội thông qua phần quy định chung; (ii) Kiến thức chuyên sâu về từng hợp đồng thông dụng như: hiểu bản chất, đặc điểm pháp lý, vấn đề hiệu lực, hình thức, nội dung...; (iii) Kiến thức về từng loại hợp đồng đặc thù như: hiểu về sự đặc thù, đặc điểm pháp lý, vấn đề hiệu lực, hình thức, nội dung... Từ đó, người học có góc nhìn từ khái quát đến cụ thể về chế định hợp đồng, vận dụng kiến thức một cách linh hoạt vào cuộc sống để bảo vệ quyền, lợi ích của chính mình hoặc người khác khi tham gia các hoạt động đời sống xã hội.

67. Pháp luật về quyền nhân thân

Học phần Pháp luật về quyền nhân thân trang bị cho sinh viên kiến thức chuyên sâu về lý luận cũng như pháp luật về quyền nhân thân của Việt Nam đặt trong bối cảnh công nghệ 4.0. Trong thời đại công nghệ 4.0, việc xâm phạm quyền nhân thân ngày càng trở nên nghiêm trọng về số lượng và mức độ các vụ việc. Do đó, việc bảo vệ quyền nhân thân trở nên quan trọng hơn bao giờ hết. Học phần sẽ cung cấp cho người học kỹ năng phát hiện vấn đề và giải quyết các tranh chấp liên quan đến quyền nhân thân ở Việt Nam. Ngoài ra, học phần cũng giúp người học hình thành ý thức, thái độ đúng đắn, trong việc bảo vệ quyền nhân thân của mình và những chủ thể khác trong xã hội.

68. Luật đầu tư

Học phần Luật đầu tư cung cấp những kiến thức cơ bản về các hoạt động đầu tư kinh doanh, bao gồm: Hình thức đầu tư, trình tự thủ tục đầu tư, đảm bảo, ưu đãi, hỗ trợ đầu tư, hoạt động đầu tư vào các tổ chức kinh tế, quy chế pháp lý về các khu kinh tế đặc biệt, hoạt động đầu tư trực tiếp ra nước ngoài.

69. Luật an sinh xã hội

Học phần này nghiên cứu các vấn đề lý luận và thực tiễn trong việc xây dựng, ban hành, thực thi các quy định về an sinh xã hội. Các nội dung pháp luật được nghiên cứu chủ yếu bao gồm: BHXH, ưu đãi xã hội, trợ giúp xã hội (bảo trợ xã hội), giải quyết tranh chấp an sinh xã hội. Song song với việc nghiên cứu các vấn đề pháp lý của Việt Nam, học phần Luật an sinh xã hội còn nghiên cứu ở một mức độ nhất định quan điểm, quy định của Tổ chức lao động quốc tế (ILO) về an sinh xã hội.

70. Luật ngân hàng

Học phần Luật ngân hàng cung cấp những kiến thức cơ bản về địa vị pháp lí của các chủ thể tiến hành hoạt động kinh doanh ngân hàng, nội dung pháp lí chủ yếu trong kinh doanh ngân hàng và quản lí nhà nước trong lĩnh vực ngân hàng.

71. Luật chứng khoán

Học phần Luật chứng khoán cung cấp những kiến thức cơ bản về địa vị pháp lí của các chủ thể tiến hành hoạt động kinh doanh chứng khoán, nội dung pháp lí chủ yếu trong kinh doanh chứng khoán và quản lí nhà nước trong lĩnh vực chứng khoán.

72. Luật kinh doanh bảo hiểm

Đây là học phần quan trọng thuộc chuyên ngành pháp luật kinh tế mà sinh viên luật cần nắm vững. Học phần cung cấp các kiến thức pháp luật cơ bản về hoạt động kinh doanh bảo hiểm - lĩnh vực hẹp của chuyên ngành luật tài chính-ngân hàng.

73. Luật cạnh tranh và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng

Luật cạnh tranh và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng là học phần cung cấp các kiến thức pháp luật về bảo vệ cạnh tranh trong kinh doanh và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng. Học phần được kết cấu thành 2 phần:

- *Phần I:* Luật cạnh tranh nghiên cứu 7 nội dung sau: (1) Những vấn đề lí luận chung về cạnh tranh và pháp luật cạnh tranh; (2) Căn cứ xác định hành vi hạn chế cạnh tranh; (3) Pháp luật về kiểm soát thoả thuận hạn chế cạnh tranh; (4) Pháp luật về kiểm soát lạm dụng vị trí thống lĩnh, vị thế độc quyền; (5) Pháp luật kiểm soát tập trung kinh tế; (6) Pháp luật về cạnh tranh không lành mạnh; (7) Tổ tụng cạnh tranh, thủ tục miễn trừ và chế tài xử lí đối với hành vi vi phạm pháp luật cạnh tranh.

- *Phần II:* Luật bảo vệ người tiêu dùng nghiên cứu 5 nội dung sau: (1) Những vấn đề lí luận về bảo vệ người tiêu dùng và pháp luật bảo vệ người tiêu dùng; (2) Các thiết chế bảo vệ người tiêu dùng; (3) Trách nhiệm của tổ chức cá nhân kinh doanh hàng hoá dịch vụ đối với người tiêu dùng; (4) Chế tài xử lí đối với hành vi vi phạm pháp luật bảo vệ người tiêu dùng; (5) Phương thức giải quyết tranh chấp giữa người tiêu dùng với thương nhân.

74. Luật môi trường

Học phần Luật môi trường nghiên cứu các vấn đề cơ bản về bảo vệ môi trường bằng pháp luật. Nội dung trước tiên mà học phần này đề cập là một số vấn đề mang tính lí luận chung về môi trường, bảo vệ môi trường và luật môi trường. Tiếp đó, học phần nghiên cứu các nội dung về đánh giá môi trường, kiểm soát ô nhiễm môi trường và bảo tồn đa dạng sinh học, như kiểm soát ô nhiễm không khí, kiểm soát ô nhiễm đất, kiểm soát ô nhiễm nước, bảo vệ rừng, bảo vệ đa dạng sinh học... Ngoài ra, học phần còn đề cập các khía cạnh của việc thực thi các công ước quốc tế trong lĩnh vực bảo vệ môi trường ở Việt Nam cũng như cơ chế giải quyết các tranh chấp nảy sinh trong lĩnh vực này.

75. Pháp luật về kinh doanh bất động sản

Đây là học phần chuyên ngành nhằm nghiên cứu chuyên sâu về thị trường bất động sản và pháp luật điều chỉnh thị trường bất động sản. Học phần cung cấp cho người học những quy định của pháp luật về quản lý Nhà nước đối với hoạt động kinh doanh bất động sản; đối tượng, phạm vi, điều kiện và các nguyên tắc trong đầu tư, kinh doanh bất động sản; các hình thức kinh doanh bất động sản và kinh doanh dịch vụ bất động sản; quyền và nghĩa vụ của các chủ thể trong kinh doanh bất động sản. Học phần cũng cung cấp cho người học các kiến thức trọng tâm về các loại hợp đồng trong kinh doanh bất động sản.

76. Pháp luật về thu hồi đất, bồi thường và giải phóng mặt bằng

Học phần Pháp luật về thu hồi đất, bồi thường và giải phóng mặt bằng cung cấp kiến thức pháp lý chuyên sâu về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất. Học phần trang bị cho người học một số kỹ năng vận dụng các quy định của pháp luật đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho người có đất bị thu hồi và kỹ năng giải quyết một số vụ việc phát sinh trong thực tế có liên quan trực tiếp đến lĩnh vực bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

77. Pháp luật tài chính doanh nghiệp

Học phần Pháp luật tài chính doanh nghiệp cung cấp cho người học kiến thức có tính chất chuyên sâu về sự điều chỉnh pháp luật đối với các quan hệ tài chính doanh nghiệp, tập trung vào các nội dung về tạo lập và sử dụng vốn, quản lý tài sản, doanh thu, chi phí, phân phối lợi nhuận của doanh nghiệp.

78. Modern International Law of the Sea (Luật biển quốc tế hiện đại)

Học phần Luật biển quốc tế hiện đại không chỉ cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về ranh giới và quy chế pháp lý của các vùng biển mà còn bổ sung cho người học những kiến thức pháp lý quốc tế chuyên sâu liên quan đến khai thác và sử dụng biển. Đó là các vấn đề như: Hợp tác khai thác chung, phân định biển giữa các quốc gia có bờ biển đối diện hoặc tiếp liền, bảo vệ môi trường biển... Qua học phần này, người học cũng sẽ nắm bắt được cơ chế giải quyết tranh chấp theo quy định của Công ước của Liên hợp quốc năm 1982 về luật biển và thực tiễn giải quyết tranh chấp trên biển giữa Việt Nam với các nước trong khu vực.

79. Pháp luật Việt Nam và pháp luật quốc tế về quyền con người

Học phần Pháp luật Việt Nam và pháp luật quốc tế về quyền con người cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về quyền con người trên các lĩnh vực dân sự, chính trị, kinh tế, văn hoá và xã hội. Học phần đồng thời giới thiệu về các cơ chế bảo đảm và thúc đẩy quyền con người ở cấp độ toàn cầu, khu vực và quốc gia. Qua việc nghiên cứu nội dung học phần, người học có thể nắm bắt và liên hệ với thực tiễn bảo đảm và thúc đẩy quyền con người của Việt Nam.

80. Pháp luật về điều ước quốc tế

Học phần Pháp luật về điều ước quốc tế cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về lí luận cũng như thực tiễn kí kết điều ước quốc tế, cách thức triển khai đàm phán, kĩ năng đàm phán và việc soạn thảo một số văn kiện ngoại giao trong kí kết điều ước quốc tế, trình tự, thủ tục kí kết điều ước quốc tế; giúp người học nắm bắt được cách thức xác định hiệu lực, những vấn đề pháp lý về bảo lưu, các trường hợp chấm dứt hiệu lực của điều ước quốc tế; giúp người học nắm bắt được quá trình triển khai thực hiện điều ước quốc tế. Trên cơ sở đó, người học có thể áp dụng, xem xét, đánh giá thực tiễn đàm phán, kí kết và thực hiện điều ước quốc tế của Việt Nam, đặc biệt trong lĩnh vực thương mại, tương trợ tư pháp, quyền con người và đấu tranh phòng chống tội phạm.

81. Pháp luật về đấu thầu

Học phần Pháp luật về đấu thầu cung cấp cho sinh viên những kiến thức pháp lí cơ bản về đấu thầu, nhằm giúp sinh viên nghiên cứu chuyên sâu vào những lĩnh vực cụ thể của thương mại. Đồng thời, học phần giúp cho sinh viên nâng cao khả năng phân tích, đánh giá và vận dụng để giải quyết các tình huống cụ thể có liên quan trong lĩnh vực đấu thầu.

82. Pháp luật vận chuyển hàng hải quốc tế

Học phần Pháp luật vận chuyển hàng hải quốc tế cung cấp cho người học những kiến thức pháp lí cơ bản về các hoạt động hàng hải như việc sử dụng tàu biển vào các mục đích dân sự như kinh tế - thương mại, vận chuyển hành khách, vận chuyển hàng hóa... Học phần đồng thời cung cấp kiến thức về giải quyết tranh chấp liên quan đến hoạt động hàng hải ở Việt Nam.

83. Pháp luật vận chuyển hàng không quốc tế

Học phần Pháp luật vận chuyển hàng không quốc tế cung cấp cho người học những kiến thức pháp lí cơ bản liên quan tới hoạt động vận chuyển hàng hoá và hành khách bằng đường hàng không quốc tế như: Cảng hàng không quốc tế, quy chế pháp lí của tàu bay, trách nhiệm của tổ bay, hợp đồng vận chuyển hành khách, vận chuyển hàng hoá bằng đường hàng không quốc tế...

84. Law on Commercial Arbitration (Pháp luật về trọng tài thương mại)

Học phần này nghiên cứu những đặc điểm cơ bản của Trọng tài - phương thức giải quyết tranh chấp chính ở nhiều quốc gia trên thế giới. Các vấn đề được xem xét bao gồm: Bản chất của trọng tài thương mại, các loại trọng tài, luật áp dụng trong trọng tài thương mại quốc tế, thỏa thuận trọng tài, thực hiện thỏa thuận, quyền hạn của hội đồng trọng tài, việc tiến hành tố tụng trọng tài, khiếu nại và thi hành phán quyết của trọng tài.

85. Pháp luật hải quan trong kinh doanh xuất nhập khẩu

Đây là học phần chuyên ngành nhằm mở rộng kiến thức về pháp luật hải quan và nghiệp vụ hải quan cho sinh viên ngành luật.

Đối với các nội dung trên, học phần sẽ cung cấp cho người học những quy định của điều ước quốc tế về hải quan mà Việt Nam là thành viên và những quy định của pháp luật hải quan Việt Nam hiện hành có đối chiếu so sánh với pháp luật hải quan một số nước trên thế giới và khu vực để thấy được sự tương đồng và sự khác biệt của pháp luật Việt Nam trong lĩnh vực này. Ngoài ra, học phần còn cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về nghiệp vụ hải quan, như xác định trị giá hải quan, xác định xuất xứ hàng hóa... đối với hàng hóa xuất nhập khẩu.

86. Pháp luật Liên minh châu Âu

Pháp luật Liên minh châu Âu là học phần cung cấp cho người học những kiến thức pháp lý cơ bản và chuyên ngành về Liên minh châu Âu và pháp luật của Liên minh châu Âu. Học phần gồm 5 nhóm vấn đề chính: (i) Luật thể chế của Liên minh châu Âu; (ii) Luật tư pháp và nội vụ; (iii) Luật kinh tế; (iv) Chính sách và pháp luật đối ngoại; (v) Quan hệ Việt Nam - Liên minh châu Âu. Thông qua những vấn đề này, học phần không những cung cấp cho sinh viên những kiến thức pháp lý cơ bản của pháp luật Liên minh châu Âu, mà còn trang bị cho người học kiến thức về những vấn đề pháp lý cụ thể của Liên minh châu Âu trong một số lĩnh vực quan trọng như: Không gian Strengen, nhập cư, thị thực, hợp tác cảnh sát, thị trường nội địa, đồng tiền chung châu Âu...

87. WTO Law (Luật WTO)

Học phần này cung cấp những kiến thức cơ bản về hệ thống pháp luật của Tổ chức thương mại thế giới (WTO). Đây là nền tảng để sinh viên có thể tiếp tục nghiên cứu các học phần khác, như: Pháp luật điều chỉnh thương mại hàng hóa quốc tế; Pháp luật điều chỉnh thương mại dịch vụ quốc tế; Quyền sở hữu trí tuệ trong hoạt động thương mại quốc tế của doanh nghiệp; Luật đầu tư quốc tế; Các biện pháp khắc phục thương mại theo quy định của WTO; ... Thông qua học phần, sinh viên sẽ được trang bị những kiến thức thiết yếu, từ đó có thể tiếp tục tự nghiên cứu, đề ra các giải pháp để góp phần hiệu quả vào việc thực thi cam kết của Việt Nam trong WTO.

88. International Investment Law (Luật đầu tư quốc tế)

Luật đầu tư quốc tế đã và đang trở thành một lĩnh vực đặc thù của pháp luật quốc tế. Học phần Luật đầu tư quốc tế cung cấp những kiến thức cơ bản về hệ thống pháp luật quản lý tự do hóa đầu tư, bảo hộ đầu tư, ảnh hưởng của thể chế, kinh tế và chính trị đối với đầu tư quốc tế. Học phần này nhằm giới thiệu cho sinh viên các tiêu chuẩn đối xử với đầu tư nước ngoài và giải quyết tranh chấp đầu tư nước ngoài.

89. Law on International Franchising (Luật nhượng quyền thương mại quốc tế)

Học phần nghiên cứu bản chất, hoạt động và quy định của nhượng quyền thương mại và nhượng quyền quốc tế. Học phần cũng đồng thời nghiên cứu các vấn đề khác nhau về nhượng quyền và pháp luật về nhượng quyền tại Việt Nam.

90. Law on International Commercial Alternative Dispute Resolution (Pháp luật về các phương thức giải quyết tranh chấp thay thế trong thương mại quốc tế)

Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức lý thuyết và thực tiễn về các phương thức giải quyết tranh chấp thay thế trong thương mại quốc tế, chẳng hạn như: Các phương thức giải quyết tranh chấp thay thế; vai trò của các phương thức giải quyết tranh chấp thay thế trong việc giải quyết các tranh chấp thương mại quốc tế; thực tiễn áp dụng các phương thức giải quyết tranh chấp tranh chấp thay thế.

91. Pháp luật về mua bán và sáp nhập doanh nghiệp xuyên biên giới

Học phần Pháp luật về mua bán và sáp nhập doanh nghiệp xuyên biên giới trang bị cho sinh viên các kiến thức về: (1) Tổng quan về mua bán sáp nhập doanh nghiệp quốc tế; (2) Pháp luật quốc tế điều chỉnh mua bán sáp nhập doanh nghiệp quốc tế; (3) Pháp luật Việt Nam điều chỉnh mua bán sáp nhập doanh nghiệp quốc tế; (4) Rủi ro và phòng tránh rủi ro pháp lý đối với hoạt động mua bán sáp nhập doanh nghiệp quốc tế.

92. Kỹ năng chung về tư vấn pháp luật

Học phần Kỹ năng chung về tư vấn pháp luật cung cấp những kiến thức và kỹ năng cơ bản về tư vấn pháp luật. Việc nghiên cứu, giảng dạy học phần này nhằm giúp người học tiếp cận, hiểu và nâng cao nhận thức về hoạt động tư vấn pháp luật, trang bị cho người học các kiến thức và kỹ năng cơ bản trong hoạt động tư vấn pháp luật, tạo nền tảng cho việc nghiên cứu các kỹ năng tư vấn pháp luật chuyên ngành.

93. Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực hành chính

Học phần Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực hành chính giúp sinh viên có thể vận dụng pháp luật hành chính vào những tình huống, việc cụ thể phát sinh trong thực tiễn quản lý hành chính nhà nước; nhận diện quan hệ pháp luật hành chính, nhận diện những nội dung pháp luật liên quan đến quản lý hành chính phát sinh trong thực tiễn từ đó giúp họ có thể ứng dụng lý thuyết về pháp luật hành chính để giải quyết công việc cụ thể; trang bị cho sinh viên những kỹ năng cơ bản để định hướng người học suy đoán các tình huống cụ thể, giải quyết những vướng mắc trong quản lý hành chính nhà nước và đặc biệt giúp họ nhận diện sai phạm trong hoạt động áp dụng pháp luật trong quản lý HCNN. Bên cạnh đó, học phần cũng đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành cho sinh viên những kiến thức để phản biện lại pháp luật hành chính hiện hành từ đó góp phần hoàn thiện pháp luật hành chính.

94. Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực hình sự

Hoạt động tư vấn trong lĩnh vực hình sự là môn khoa học chuyên ngành luật ứng dụng, cung cấp lí luận cơ bản về hoạt động tư vấn trong lĩnh vực hình sự; là cơ sở khoa học trang bị cho sinh viên những kỹ năng hoạt động thực tiễn trong lĩnh vực tư vấn và trợ giúp pháp lý.

95. Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực dân sự

Học phần Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực dân sự được thiết kế nhằm giúp người học có thể ứng dụng các kiến thức về luật dân sự đã được lĩnh hội để tư vấn cho đương sự trong những tình huống khác nhau thuộc lĩnh vực dân sự. Học phần sẽ trang

bị cho người học một số kiến thức và kỹ năng cơ bản sau đây: Kiến thức chung về tư vấn pháp luật và tư vấn pháp luật dân sự; kỹ năng tư vấn pháp luật dân sự trong những trường hợp cụ thể: tư vấn pháp luật về sở hữu; tư vấn pháp luật về hợp đồng; tư vấn pháp luật về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng; tư vấn pháp luật về thừa kế.

96. Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình

Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình là học phần có tính ứng dụng cao, đặc biệt đối với những người làm công tác xã hội như hòa giải viên, tư vấn viên, luật sư... Học phần gồm 9 vấn đề: Khái quát chung về tư vấn trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình; tư vấn trong lĩnh vực kết hôn; tư vấn về quyền và nghĩa vụ nhân thân, và vấn đề phòng, chống bạo lực giữa vợ và chồng; tư vấn về chế độ tài sản và chia tài sản chung của vợ chồng; Tư vấn về vấn đề xác định cha mẹ con; tư vấn trong lĩnh vực nuôi con nuôi; tư vấn về quyền và nghĩa vụ giữa cha mẹ và con và giữa các thành viên khác trong gia đình; tư vấn về quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài; tư vấn về ly hôn.

97. Kỹ năng tư vấn trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ

Học phần Kỹ năng tư vấn trong lĩnh vực SHTT cung cấp cho người học những kiến thức thực tế và những kỹ năng cơ bản của hoạt động tư vấn trong lĩnh vực SHTT như: Kỹ năng tiến hành các thủ tục đăng kí, xác lập quyền SHTT; kỹ năng tư vấn trong hoạt động khai thác quyền SHTT; kỹ năng giải quyết tranh chấp về SHTT; kỹ năng quản trị tài sản trí tuệ trong các doanh nghiệp...

98. Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực thương mại

Học phần Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực thương mại cung cấp những kiến thức cơ bản và kỹ năng tư vấn về tư vấn pháp luật trong lĩnh vực thương mại và đầu tư. Học phần cung cấp những kiến thức lí luận và thực tiễn về tư vấn pháp luật trong lĩnh vực thương mại nói chung và kỹ năng tư vấn từng loại việc cụ thể trong lĩnh vực thương mại nói riêng như: Tư vấn thành lập doanh nghiệp, góp vốn vào doanh nghiệp và tổ chức lại doanh nghiệp; tư vấn về quản lý nội bộ doanh nghiệp; tư vấn đàm phán, soạn thảo hợp đồng thương mại; tư vấn thực hiện một số hoạt động thương mại thông dụng tư vấn pháp luật về đầu tư; tư vấn pháp luật về giải thể, phá sản...

99. Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực lao động

Học phần Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực lao động cung cấp những kiến thức và kỹ năng cơ bản trong hoạt động TVPL lao động như: Tư vấn các loại hợp đồng trong lĩnh vực lao động (HĐLĐ, hợp đồng đào tạo nghề, hợp đồng trong lĩnh vực đưa NLD Việt Nam đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài, hợp đồng cho thuê lại lao động); kỹ năng nghiên cứu hồ sơ vụ án lao động và kỹ năng tham gia giải quyết tranh chấp lao động tại toà án.

100. Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực đất đai

Học phần Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực đất đai giúp cho sinh viên nâng cao nhận thức và rèn luyện kỹ năng tư duy, phân tích, nhận định và đánh giá hiện tượng,

vụ việc trên cơ sở kết hợp hài hòa giữa pháp luật thực định và thực tiễn triển khai. Học phần Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực đất đai cung cấp những kỹ năng cơ bản, cần thiết, cùng với những kỹ năng riêng, đặc thù để giải quyết những vụ việc, những tình huống phổ biến, điển hình trong lĩnh vực đất đai xảy ra trong thực tế.

101. Kỹ năng tư vấn pháp luật thuế, tài chính doanh nghiệp

Học phần Kỹ năng tư vấn pháp luật thuế, tài chính doanh nghiệp cung cấp cho người học về kiến thức chung của hoạt động tư vấn pháp luật thuế và hướng dẫn các kỹ năng cơ bản trong hoạt động tư vấn pháp luật thuế cho doanh nghiệp. Các kỹ năng này được thực hành trên cơ sở tuân thủ các qui định của pháp luật và tối ưu các khoản tiết kiệm thuế.

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản để nhận thức và vận dụng các kỹ năng tư vấn pháp luật đối với các quan hệ tài chính doanh nghiệp tập trung vào các nội dung về tạo lập và sử dụng vốn, quản lý tài sản, doanh thu, chi phí, phân phối lợi nhuận của doanh nghiệp.

102. Kỹ năng tham gia giải quyết các vụ án hành chính

Học phần Kỹ năng tham gia giải quyết các vụ án hành chính cung cấp cho người học những kiến thức cần thiết về kỹ năng để tham gia giải quyết tranh chấp hành chính bằng phương thức khởi kiện vụ án hành chính; thông qua các tình huống cụ thể, người học sẽ được thực hành việc áp dụng pháp luật Tố tụng hành chính trong từng giai đoạn tố tụng để giải quyết vụ án hành chính; thực hành phân tích các vụ án hành chính, đánh giá tính hợp pháp của các quyết định hành chính, hành vi hành chính bị kiện.

Học phần sẽ giúp người học có được kỹ năng để tư vấn cho cá nhân, tổ chức khởi kiện vụ án hành chính; thực hiện việc xác minh thu thập chứng cứ; nghiên cứu hồ sơ vụ án, đánh giá tài liệu, chứng cứ viết luận cứ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho cá nhân, tổ chức bằng phương thức tranh tụng tại Tòa.

103. Kỹ năng thực hành một số hoạt động trong tố tụng hình sự

Học phần Kỹ năng thực hành một số hoạt động trong tố tụng hình sự là môn khoa học pháp lý giúp người học củng cố những kiến thức lý luận và cung cấp những kiến thức thực tiễn về kỹ năng tiến hành một số hoạt động tố tụng hình sự quan trọng của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng (luật sư) trong quá trình giải quyết vụ án hình sự. Học phần này chủ yếu tập trung nghiên cứu các kỹ năng thực hành một số hoạt động tố tụng hình sự của kiểm sát viên, thẩm phán và luật sư trong các giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự.

104. Kỹ năng tham gia giải quyết các vụ án dân sự

Học phần Kỹ năng tham gia giải quyết các vụ án dân sự cung cấp cho người học những kỹ năng thực hành cơ bản trong các vụ việc dân sự. Học phần được thiết kế nhằm giúp người học có thể vận dụng kiến thức về luật nội dung và luật tố tụng dân sự đã học vào việc tham gia giải quyết các vụ án dân sự.

105. Kỹ năng soạn thảo văn bản hành chính thông dụng

Kỹ năng soạn thảo một số văn bản hành chính thông dụng là học phần chuyên đề có tính ứng dụng, cung cấp những kiến thức cơ bản về văn bản hành chính thông dụng từ khái niệm, yêu cầu, chức năng... và kỹ năng soạn thảo một số văn bản hành chính thông dụng điển hình trong những tình huống cụ thể.

106. Hệ thống hóa văn bản pháp luật

Học phần Hệ thống hoá văn bản pháp luật cung cấp những kiến thức cơ bản về hoạt động hệ thống hoá văn bản pháp luật. Đây là hoạt động của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc xem xét tính hợp pháp, tính hợp lý của văn bản pháp luật và hệ thống hoá các văn bản quy phạm pháp luật. Học phần sẽ trang bị cho người học kỹ năng, nghiệp vụ để thực hiện các hoạt động trên trong những tình huống cụ thể.

107. Đánh giá tác động chính sách trong xây dựng pháp luật

Học phần Đánh giá tác động chính sách trong xây dựng pháp luật có tính ứng dụng, cung cấp những kiến thức cơ bản về hoạt động đánh giá tác động chính sách. Đây là hoạt động đóng vai trò quan trọng trong tổng thể quy trình xây dựng chính sách nói riêng và hoạt động ban hành văn bản pháp luật nói chung. Ngoài ra, học phần này còn trang bị cho người học kỹ năng để đánh giá tác động của chính sách trong những tình huống cụ thể.

108. Legal Reasoning and Writing Skills (Kỹ năng lập luận và viết dành cho nghề luật)

Kỹ năng lập luận và viết dành cho nghề luật là học phần về phương pháp luận pháp lý. Học phần cung cấp cho học viên kiến thức về các phương pháp lập luận và viết pháp lý hiện đại, đồng thời đào tạo cho học viên khả năng vận dụng các phương pháp đó trong các tình huống thực tiễn pháp lý. Các sinh viên sẽ được làm việc với các trường hợp thực tế và trong vai trò giống như luật sư.

109. Presentation Skills for Lawyer in Adversarial Context (Kỹ năng tranh tụng của nghề luật)

Đây là học phần về phương pháp luận pháp lý. Học phần cung cấp cho sinh viên khả năng trình bày lý luận pháp lý tranh tụng, bao gồm viết các bản ghi nhớ pháp lý và trình bày các lập luận trong tranh tụng. Sinh viên sẽ được làm việc với các tình huống thực tế trong vai trò là luật sư.

110. Cases Studies and Analysis (Kỹ năng nghiên cứu và phân tích án lệ)

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức lý thuyết và thực tiễn về án lệ, bao gồm như: Đọc và tóm tắt án lệ; tìm căn cứ của phán quyết; thực tiễn áp dụng án lệ ở một số nước thông luật và Việt Nam.

111. Moot Court Competition in International Trade and Business Law (Kỹ năng diễn án giả tưởng trong lĩnh vực pháp luật thương mại quốc tế)

Học phần nâng cao kiến thức của sinh viên về các khía cạnh và lĩnh vực khác nhau của thương mại quốc tế và giải quyết tranh chấp kinh doanh.

Học phần cũng cung cấp cho sinh viên các kỹ năng về nghiên cứu, phân tích, viết pháp lý và tranh biện thông qua nghiên cứu và tham gia vào mô phỏng tranh tụng liên quan đến thương mại quốc tế và pháp luật kinh doanh.

Học phần có thể đóng vai trò là nền tảng để chuẩn bị cho sinh viên tham gia cuộc thi Moot Court trong bất kỳ lĩnh vực luật nào, đặc biệt là cuộc thi Moot Court trong thương mại quốc tế và luật kinh doanh./.

Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2021

HIỆU TRƯỞNG



Đoàn Trung Kiên